

南無阿彌陀佛

朝暮課誦暨佛七儀規

**Kinh tụng Buổi Sáng & Tối
& Phật Thất Nghi Quy**

**The Buddhist Liturgy for
Morning / Evening Services and Seven-Day Retreat**

目錄 Table of Contents

A 朝暮課誦 卷上

**Kinh tụng Buổi Sáng & Tối Quyển Thượng
The Buddhist Liturgy for Morning & Evening Services - Session I**

B 朝時課誦 卷下

**Kinh tụng Buổi Sáng Quyển Hạ
The Buddhist Liturgy for Morning Service - Session II**

C 暮時課誦 卷下

**Kinh tụng Buổi Chiều Quyển Hạ
The Buddhist Liturgy for Evening Services – Session II**

D 佛七大回向

**Phật Thất Đại Hồi Hướng
Grand Parinamana of Seven-Day Retreat**

E 佛七圓滿日佛前大回向

**Phật Thất Viên Mãn Nhật Phật Tiền Đại Hồi Hướng
Grand Parinamana on the Final Day of Seven-Day Retreat**

南 無 阿 彌 陀 佛

朝 暮 課 誦
卷 上

**Kinh tụng Buổi Sáng & Tối
Quyển Thượng**

**The Buddhist Liturgy for
Morning & Evening Services
Session I**

蓮 池 讚

Liên Trì Tân
Lotus Pool Praise

Lian Chi Hai Hui Mi Tuo Ru Lai
蓮 池 海 會。 彌 陀 如 來
Liên Trì Hải Hội, Di Đà Như Lai,

In the vast Lotus Pool Assembly, Amita the Tathagata

Guan Yin Shi Zhi Zuo Lian Tai
觀 音 勢 至 坐 蓮 臺。
Quan Âm Thế Chí tọa liên đài,

together with Avalokitesvara and Mahasthamaprapta

Jie Yin Shang Jin Jie
接 引 上 金 階。
Tiếp dẫn thượng kim giai,

receives us and leads us to ascend the lotus platforms;

Da Shi Hong Kai Pu Yuan Li Chen Ai
大 誓 弘 開。 普 願 離 塵 埃。
Đại thệ hồng khai, phổ nguyện ly trần ai.

Great vows magnificently taking. We universally wish all to leave the mundane world.

Na Mo Lian Chi Hai Hui Pu Sa Mo He Sa
南 無 蓮 池 海 會 菩 薩 摩 訶 薩。
Nam Mô Liên Trì Hải Hội Bồ Tát Ma Ha Tát

Homage to Bodhisattvas Mahasattvas in the Lotus Pool's Assembly.

Na Mo Lian Chi Hai Hui Pu Sa Mo He Sa
南 無 蓮 池 海 會 菩 薩 摩 訶 薩。
Nam Mô Liên Trì Hải Hội Bồ Tát Ma Ha Tát

Homage to Bodhisattvas Mahasattvas in the Lotus Pool's Assembly.

Na Mo Lian Chi Hai Hui Pu Sa Mo He Sa
南 無 蓮 池 海 會 菩 薩 摩 訶 薩。
Nam Mô Liên Trì Hải Hội Bồ Tát Ma Ha Tát
Homage to Bodhisattvas Mahasattvas in the Lotus Pool's Assembly.

佛 說 阿 彌 陀 經
Phật Thuyết A Di Đà Kinh
Amita Sutra Spoken By Buddha

Na Mo Lian Chi Hai Hui Fo Pu Sa
南 無 蓮 池 海 會 佛 菩 薩 (三稱)
Nam Mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát (Tụng 3 lần)
Homage to Buddhas and Bodhisattvas in the Vast Assembly of the Lotus Pool. (Three Times)

Fo Shuo A Mi Tuo Jing
佛 說 阿 彌 陀 經
Phật Thuyết A Di Đà Kinh
Amita Sutra Spoken by Buddha

Ru Shi Wo Wen Yi Shi Fo Zai She Wei Guo Qi Shu
如 是 我 聞。 一 時 佛 在 舍 衛 國。 祇 樹
Như thị ngã văn, Nhất thời Phật tại Xá Vệ Quốc, Kỳ Thọ
Thus I have heard: Once the Buddha was in Sravasti

Ji Gu Du Yuan Yu Da Bi Qiu Seng Qian Er Bai Wu
給 孤 獨 園。 與 大 比 丘 僧。 千 二 百 五
Cấp Cô Độc Viên, dữ đại Tỷ Kheo Tăng, thiên nhị bách ngũ
in the Jetavana-Anathapindika Park, together with great Bhiksus, one thousand two hundred and

Shi Ren Ju Jie Shi Da A Luo Han Zhong Suo Zhi Shi
十 人 俱。 皆 是 大 阿 羅 漢。 眾 所 知 識。
thập nhơn câu, giai thị đại A La Hán, chúng sở tri thức,
fifty in all, all great Arhats, known to and recognized by all:

Zhang Lao She Li Fo Mo He Mu Jian Lian Mo He Jia
長 老 舍 利 弗。 摩 訶 目 犍 連。 摩 訶 迦
Trưởng Lão Xá Lợi Phất, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca
Elders Sariputra, Mahamaudgalyayana, Mahakasyapa,

She Mo He Jia Zhan Yan Mo He Ju Chi Luo Li Po
 葉。摩訶迦旃延。摩訶俱絺羅。離婆
 Diép, Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Câu Hy La, Ly Bà
 Mahakatyayana, Mahakausthila, Revata,

Duo Zhou Li Pan Tuo Qie Nan Tuo A Nan Tuo Luo Hou
 多。周利槃陀伽。難陀。阿難陀。羅睺
 Đa, Châu Lợi Bàn Đà Già, Nan Đà, A Nan Đà, La Hầu
 Suddhipanthaka, Nanda, Ananda, Rahula,

Luo Jiao Fan Po Ti Bin Tou Lu Po Luo Duo Jia Liu
 羅。憍梵波提。賓頭盧頗羅墜。迦留
 La, Kiêu Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lô Phá La Đọa, Ca Lưu
 Gavampati, Pindolabharadvaja, Kalodayin,

Tuo Yi Mo He Jie Bin Na Bo Ju Luo A Nuo
 陀夷。摩訶劫賓那。薄拘羅。阿菟
 Đà Di, Ma Ha Kiép Tân Na, Bạc Câu La, A Nậu
 Mahakaphina, Vakkula,

Lou Tuo Ru Shi Deng Zhu Da Di Zi Bing Zhu Pu Sa
 樓駄。如是等諸大弟子。並諸菩薩
 Lâu Đà, như thị đẳng chư đại đệ tử, tinh chư Bồ Tát
 Aniruddha, such great disciples together with the Bodhisattvas Mahasattvas:

Mo He Sa Wen Shu Shi Li Fa Wang Zi A Yi Duo
 摩訶薩。文殊師利法王子。阿逸多
 Ma Ha Tát, Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, A Đạt Đa
 Manjusri the Dharma Prince, Ajita Bodhisattva,

Pu Sa Qian Tuo He Ti Pu Sa Chang Jing Jin Pu Sa
 菩薩。乾陀訶提菩薩。常精進菩薩。
 Bồ Tát, Càn Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát,
 Gandhastin Bodhisattva, Nityodyukta Bodhisattva,

Yú Rú Shì Deng Zhū Dà Pú Sà Jì Shì Tí Huān Yīn
與 如 是 等 諸 大 菩 薩。 及 釋 提 桓 因
dữ như thị đẳng chư đại Bồ Tát, cập Thích Đề Hoàn Nhon
with such great Bodhisattvas, and with Sakro Devanam Indra

Deng Wú Liang Zhū Tiān Dà Zhōng Jū Ēr Shí Fó Gāo Zhāng
等。 無 量 諸 天 大 眾 俱。 爾 時 佛 告 長
đẳng, vô lượng chư thiên đại chúng câu. Nhĩ thời Phật cáo Trưởng
and great multitudes of countless heavenly beings. At that time Buddha told Elder Sariputra,

Lǎo Shě Lì Fó Cóng Shì Xī Fāng Guo Shí Wàn Yì Fó
老 舍 利 弗。 從 是 西 方。 過 十 萬 億 佛
Lǎo Xá Lợi Phát: Tòng thị Tây Phương, quá thập vạn ức Phật
“To the west from here, beyond millions of Buddhalands,

Tu Yǒu Shì Jiè Míng Yuē Jí Lè Qí Tu Yǒu Fó Hào
土。 有 世 界 名 曰 極 樂。 其 土 有 佛。 號
độ, hữu thế giới danh viết Cực Lạc, kỳ độ hữu Phật, hiệu
there is a world named Utmost Joy, where there is a Buddha,

Ā Mí Tuó Jīn Xiān Zài Shuō Fǎ Shě Lì Fó Bì Tu
阿 彌 陀。 今 現 在 說 法。 舍 利 弗。 彼 土
A Di Đà, kim hiện tại thuyết Pháp. Xá Lợi Phát, bỉ độ
known as Amita, who is preaching now. Sariputra,

Hé Gu Míng Wēi Jí Lè Qí Guó Zhōng Shēng Wú Yǒu Zhōng
何 故 名 為 極 樂。 其 國 眾 生。 無 有 眾
hà cố danh vi Cực Lạc? kỳ quốc chúng sanh, vô hữu chúng
why is that land named Utmost Joy? All beings living in that country are free from suffering

Kǔ Dàn Shòu Zhū Lè Gu Míng Jí Lè Yǒu Shě Lì Fó
苦。 但 受 諸 樂。 故 名 極 樂。 入 舍 利 弗。
khổ, dãn thọ chư lạc, cố danh Cực Lạc. Hựu Xá Lợi Phát,
and only enjoy every bliss; therefore, it is called Utmost Joy. Moreover, Sariputra,

Jī Le Guó Tǔ Qì Chóng Lán Shùn Qì Chóng Luo Wǎng Qì
 極樂國土。七重欄楯。七重羅網。七
 Cự Lạc quốc độ, thất trùng lan thuần, thất trùng la võng, thất
 in the land of Utmost Joy seven tiers of railings, seven layers of nettings,

Chóng Háng Shù Jiē Shì Sì Bǎo Zhōu Zā Wēi Rao Shì Gù
 重行樹。皆是以寶周匝圍繞。是故
 trùng hàng thọ, giai thị tứ bảo châu tráp vi nhiều, thị cố
 and seven rows of trees, all formed from the four treasures, encompass the periphery, and so

Bì Guó Míng Wēi Jī Le Yǒu Shē Lì Fō Jī Le Guó
 彼國名曰極樂。有舍利弗。極樂國
 bǐ quốc danh vi Cự Lạc. Hữu Xá Lợi Phất, Cự Lạc quốc
 that country is named Utmost Joy. Moreover, Sariputra, the land of Utmost Joy

Tǔ Yǒu Qì Bǎo Chí Bā Gōng Dé Shuǐ Chóng Mǎn Qì Zhōng
 土。有七寶池。八功德水。充滿其中。
 độ, hữu thất bảo trì, bát công đức thủy, sung mãn kỳ trung,
 has the pool of seven jewels, filled with the water of eight meritorious qualities.

Chí Dǐ Chún Yì Jīn Shā Bù Dì Sì Biān Jiē Dao Jīn
 池底純以金沙布地。四邊階道。金。
 trì đế thuần dĩ kim sa bố địa. Tứ biên giai đạo, kim
 The bottom of the pool is entirely covered with gold powder. Stairs on four sides are made of gold,

Yín Liú Lǐ Bō Lǐ Hé Chéng Shàng Yǒu Lóu Gé Yì Yì
 銀。琉璃。玻瓈合成。上有樓閣。亦以
 ngân, lưu ly, pha lê hiệp thành, thượng hữu lâu các, diệc dĩ
 silver, lapis lazuli and crystal. Above are pavilions adorned with

Jīn Yín Liú Lǐ Bō Lǐ Ché Qū Chì Zhū Mǎ Nǎo
 金。銀。琉璃。玻瓈。磲磑。赤珠。瑪瑙。
 kim, ngân, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não
 gold, silver, lapis lazuli, crystal, mother-of-pearl and agate.

Er Yan Shi Zhi Chi Zhong Lian Hua Da Ru Che Lun Qing
 而嚴飾之。池中蓮華。大如車輪。青
 nhi nghiêm sức chi, Trì trung liên hoa, đại như xa luân, thanh
 In the pool the lotus flowers are as large as cartwheels,

Se Qing Guang Huang Se Huang Guang Chi Se Chi Guang Bai Se
 色青光。黃色黃光。赤色赤光。白色
 sắc thanh quang, huỳnh sắc huỳnh quang, xích sắc xích quang, bạch sắc
 blue-colored with blue lustre, yellow-colored with yellow lustre, red-colored with red lustre and

Bai Guang Wei Miao Xiang Jie She Li Fo Ji Le Guo Tu
 白光。微妙香潔。舍利弗。極樂國土。
 bạch quang, vi diệu hương khiết. Xá Lợi Phất, Cực Lạc quốc độ,
 white-colored with white luster, subtle, wonderful, sweet and pure. Sariputra, the land of

Cheng Jiu Ru Shi Gong De Zhuang Yan You She Li Fo Bi
 成就如是功德莊嚴。入舍利弗。彼
 thành tựu như thị công đức trang nghiêm. Hựu Xá Lợi Phất, bỉ
 Utmost Joy has realized such meritorious adornment. Moreover, Sariputra,

Fo Guo Tu Chang Zuo Tian Yue Huang Jin Wei Di Zhou Ye
 佛國土。常作天樂。黃金為地。晝夜
 Phật quốc độ, thường tác thiên nhạc, huỳnh kim vi địa, trú dạ
 in that Buddhaland always rings celestial music, and, with yellow gold covering the ground,

Liu Shi Yu Tian Man Tuo Luo Hua Qi Tu Zhong Sheng Chang
 六時。雨天曼陀羅華。其土眾生。常
 lục thời, vũ thiên mạn đà la hoa, kỳ độ chúng sanh, thường
 during the six periods of the day and night, rains of heavenly Mandarava flowers fall. The beings in

Yi Qing Dan Ge Yi Yi Ge Cheng Zhong Miao Hua Gong Yang
 以清旦。各以衣祴。盛眾妙華。供養
 dĩ thanh đán, các dĩ y kích, thịnh chúng diệu hoa, cúng dường
 that land, always in the early morning, each with his own sack, collect the wonderful flowers

Ta Fang Shi Wan Yi Fo Ji Yi Shi Shi Huan Dao Ben
 他 方 十 萬 億 佛。 即 以 食 時。 還 到 本
 tha phương thập vạn ức Phật, tức dĩ thực thời, hoàn đáo bản
 to offer to millions of Buddhas in other localities. At mealtime they return to their own country

Guo Fan Shi Jing Xing She Li Fo Ji Le Guo Tu Cheng
 國。 飯 食 經 行。 舍 利 弗。 極 樂 國 土。 戍
 quốc, phạn thực kinh hành. Xá Lợi Phất, Cực Lạc quốc độ, thành
 to eat and stroll. Sariputra, the land of Utmost Joy

Jiu Ru Shi Gong De Zhuang Yan Fu Ci She Li Fo Bi
 就 如 是 功 德 莊 嚴。 復 次 舍 利 弗。 彼
 tựu như thị công đức trang nghiêm. Phục thứ Xá Lợi Phất, bỉ
 has realized such meritorious adornment. Again, Sariputra,

Guo Chang You Zhong Zhong Qi Miao Za Se Zhi Niao Bai He
 國 常 有 種 種 奇 妙 雜 色 之 鳥。 白 鶴。
 quốc thường hữu chủng chủng kỳ diệu tạp sắc chi điểu: Bạch Hạc,
 in that country, there are always all kinds of rare and varicolored birds: white cranes,

Kong Que Ying Wu She Li Jia Ling Pin Qie Gong Ming Zhi
 孔 雀。 鸚 鵡。 舍 利。 迦 陵 頻 伽。 共 命 之
 Khổng Tước, Anh Vĩ, Xá Lợi, Ca Lăng Tần Già, cộng mạng chi
 peacocks, parrots, egrets, Kalavinkas and two-headed birds.

Niao Shi Zhu Zhong Niao Zhou Ye Liu Shi Chu He Ya Yin
 鳥。 是 諸 眾 鳥。 晝 夜 六 時。 出 和 雅 音。
 điểu, thị chư chúng điểu, trú dạ lục thời, xuất hòa nhã âm,
 These flocks of birds sing during the six periods of the day and night with harmonious and elegant

Qi Yin Yan Chang Wu Gen Wu Li Qi Pu Ti Fen Ba Sheng
 其 音 演 唱。 五 根。 五 力。 七 菩 提 分。 八 聖
 Kỳ âm diễn xướng: ngũ căn, ngũ lực, thất Bồ Đề phần, bát thánh
 tones which expound thoroughly the five roots, five powers, seven Bodhi characteristics, eight sacred

Dao Fen Ru Shi Deng Fa Qi Tu Zhong Sheng Wen Shi Yin
 道 分。如 是 等 法。其 土 眾 生。聞 是 音
 đạo phân, như thị đẳng Pháp. kỳ độ chúng sanh, văn thị âm
 right ways and other Dharmas like these. In that land the living beings, having heard these tones,

Yi Jie Xi Nian Fo Nian Fa Nian Seng She Li Fo Ru
 已。皆 悉 念 佛 念 法 念 僧。舍 利 弗。汝
 dĩ, giai tất niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Xá Lợi Phát, nhữ
 are all invariably mindful of Buddha, mindful of Dharma and mindful of Sangha. Sariputra,

Wu Wei Ci Niao Shi Shi Zui Bao Suo Sheng Suo Yi Zhe
 勿 謂 此 鳥。實 是 罪 報 所 生。所 以 耆
 vật vị thử diểu, thực thị tội báo sở sanh. Sở dĩ giả
 do not say that these birds are born as retribution for sins. For what reason?

He Bi Fo Guo Tu Wu San E Dao She Li Fo Qi
 何。彼 佛 國 土。無 三 惡 道。舍 利 弗。其
 hà? Bỉ Phật quốc độ, vô tam ác đạo. Xá Lợi Phát, kỳ
 In that Buddhaland, there is none of the three evil paths. Sariputra,

Fo Guo Tu Shang Wu E Dao Zhi Ming He Kuang You Shi
 佛 國 土。尚 無 惡 道 之 名。何 況 有 實。
 Phật quốc độ thượng vô ác đạo chi danh, hà huống hữu thực,
 in that Buddhaland, not even the names of the three evil paths exist; how much less their actuality!

Shi Zhu Zhong Niao Jie Shi A Mi Tuo Fo Yu Ling Fa
 是 諸 眾 鳥。皆 是 阿 彌 陀 佛。欲 令 法
 thị chư chúng diểu, giai thị A Di Đà Phật, dục linh Pháp
 These flocks of birds are all made through transformation by Amita Buddha,

Yin Xuan Liu Bian Hua Suo Zuo She Li Fo Bi Fo Guo
 音 宣 流。變 化 所 作。舍 利 弗。彼 佛 國
 âm tuyên lưu, biến hóa sở tác. Xá Lợi Phát, bỉ Phật quốc
 who desires the Dharma to be widely proclaimed. Sariputra, in that Buddhaland when the soft

Tu Wei Feng Chui Dong Zhu Bao Hang Shu Ji Bao Luo Wang
 土。微風吹動諸寶行樹。及寶羅網。
 độ, vi phong xuy động, chư bảo hàng thọ, cập bảo la võng,
 breezes stir, the precious trees and the jewelled nettings give forth subtle and wonderful sounds

Chu Wei Miao Yin Pi Ru Bai Qian Zhong Yue Tong Shi Ju
 出微妙音。譬如百千種樂。同時俱
 xuất vi diệu âm, thí như bách thiên chủng nhạc, đồng thời câu
 like one hundred thousand kinds of music, all playing at the same time.

Zuo Wen Shi Yin Zhe Zi Ran Jie Sheng Nian Fo Nian Fa
 作。聞是音者。自然皆生念佛念法
 tác, văn thị âm giả, tự nhiên giai sanh: niệm Phật, niệm Pháp,
 Those who hear these sounds all naturally become mindful of Buddha, mindful of Dharma and

Nian Seng Zhi Xin She Li Fo Qi Fo Guo Tu Cheng Jiu
 念僧之心。舍利弗。其佛國土。成就
 niệm Tăng chi tâm. Xá Lợi Phất, kỳ Phật quốc độ, thành tựu
 mindful of Sangha. Sariputra, that Buddhaland

Ru Shi Gong De Zhuang Yan She Li Fo Yu Ru Yi Yun
 如是功德莊嚴。舍利弗。於汝意云
 như thị công đức trang nghiêm. Xá Lợi Phất, ư nhữ ý vân
 has realized such meritorious adornment. Sariputra, what do you think?

He Bi Fo He Gu Hao A Mi Tuo She Li Fo Bi
 何。彼佛何故號阿彌陀。舍利弗。彼
 hà? Bỉ Phật hà cố hiệu A Di Đà? Xá Lợi Phất, bỉ
 Why is that Buddha called Amita? Sariputra,

Fo Guang Ming Wu Liang Zhao Shi Fang Guo Wu Suo Zhang Ai
 佛光明無量。照十方國。無所障礙。
 Phật quang minh vô lượng, chiếu thập phương quốc, vô sở chướng ngại,
 the radiance of that Buddha is immeasurable, shining on countries everywhere in all ten directions,

Shì Gu Hao Wei Ā Mi Tuó You She Lì Fō Bì Fō
 是 故 號 為 阿 彌 陀 。 又 舍 利 弗 。 彼 佛
 thị cố hiệu vi A Di Đà. Hựu Xá Lợi Phất, bỉ Phật
 without any obstruction, and therefore he is called Amita. Moreover, Sariputra,

Shou Ming Ji Qi Ren Min Wu Liang Wu Bian Ā Seng Qi
 壽 命 。 及 其 人 民 無 量 無 邊 阿 僧 祇
 thọ mạng, cập kỳ nhơn dân vô lượng vô biên a tăng kỳ
 the life of that Buddha and of his people lasts for countless and boundless Asangkhyeya Kalpas,

Jie Gu Ming Ā Mi Tuó She Lì Fō Ā Mi Tuó Fō
 劫 。 故 名 阿 彌 陀 。 舍 利 弗 。 阿 彌 陀 佛 。
 kiếp, cố danh A Di Đà. Xá Lợi Phất, A Di Đà Phật,
 and so he is named Amita. Sariputra, since Amita became Buddha,

Cheng Fō Yi Lai Yu Jin Shi Jie You She Lì Fō Bì
 成 佛 以 來 。 於 今 十 劫 。 又 舍 利 弗 。 彼
 thành Phật dĩ lai, ư kim thập kiếp. Hựu Xá Lợi Phất, bỉ
 it has now been ten Kalpas. Moreover, Sariputra,

Fō You Wu Liang Wu Bian Sheng Wen Di Zi Jie Ā Luo
 佛 有 無 量 無 邊 聲 聞 弟 子 。 皆 阿 羅
 Phật hữu vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử, giai A La
 that Buddha has countless and boundless personal disciples, all Arhats,

Han Fei Shi Suan Shu Zhī Suǒ Neng Zhī Zhū Pu Sa Zhōng
 漢 。 非 是 算 數 之 所 能 知 。 諸 菩 薩 眾 。
 Hán, phi thị toán số chi sở năng tri, chư Bồ Tát chúng
 their number incalculable. Likewise is the assembly of Bodhisattvas.

Yì Fù Rú Shì She Lì Fō Bì Fō Guó Tǔ Chéng Jiù
 亦 復 如 是 。 舍 利 弗 。 彼 佛 國 土 。 成 就
 diệc phục như thị. Xá Lợi Phất, bỉ Phật quốc độ, thành tựu
 Sariputra, that Buddhahood has realized such

Ru Shi Gong De Zhuang Yan You She Li Fo Ji Le Guo
如 是 功 德 莊 嚴。 又 舍 利 弗。 極 樂 國
như thị công đức trang nghiêm. Hựu Xá Lợi Phất, Cực Lạc quốc
meritorious adornment. Moreover, Sariputra,

Tu Zhong Sheng Sheng Zhe Jie Shi A Pi Ba Zhi Qi Zhong
土。 眾 生 生 皆。 皆 是 阿 鞞 跋 致。 其 中
độ, chúng sanh sanh giả, giai thị A Bệ Bạt Trí, kỳ trung
living beings born in the land of Utmost Joy are all Avaivartikas,

Duo You Yi Sheng Bu Chu Qi Shu Shen Duo Fei Shi Suan
多 有 一 生 補 處。 其 數 甚 多。 非 是 算
đa hữu nhất sanh bổ xứ, kỳ số thậm đa, phi thị toán
many among whom will attain Buddhaland in this life. Their number is vast

Shu Suo Neng Zhi Zhi Dan Ke Yi Wu Liang Wu Bian A Seng
數 所 能 知 之。 但 可 以 無 量 無 邊 阿 僧
số sở năng tri chi, dãn khả dĩ vô lượng vô biên a tăng
and can not be made out by calculation, but may be expressed in terms of countless and boundless

Qi Shuo She Li Fo Zhong Sheng Wen Zhe Ying Dang Fa Yuan
祇 說。 舍 利 弗。 眾 生 聞 皆。 應 當 發 願。
kỳ thuyết. Xá Lợi Phất, chúng sanh văn giả, ứng đương phát nguyện,
Asankhyeyas. Sariputra, the living beings who hear this should take the vow to be born in that

Yuan Sheng Bi Guo Suo Yi Zhe He De Yu Ru Shi Zhu
願 生 彼 國。 所 以 皆 何。 得 與 如 是 諸
nguyện sanh bỉ quốc. Sở dĩ giả hà? Đắc dĩ như thị chư
country. And why? One will be thus enabled to join the company of such superior and good people

Shang Shan Ren Ju Hui Yi Chu She Li Fo Bu Ke Yi
上 善 人。 俱 會 一 處。 舍 利 弗。 不 可 以
thượng thiện nhơn, câu hội nhất xứ. Xá Lợi Phất, bất khả dĩ
in the same place. Sariputra, one can not rely on

Shao Shan Gen Fu De Yin Yuan De Sheng Bi Guo She Li
 少 善 根 福 德 因 緣。 得 生 彼 國。 舍 利
 thiếu thiện căn phước đức nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc. Xá Lợi
 few good roots, blessings, virtues and causal connections to be born in that

Fo Ruo You Shan Nan Zi Shan Nü Ren Wen Shuo A Mi
 弗。 若 有 善 男 子。 善 女 人。 聞 說 阿 彌
 Phát, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thuyết A Di
 country. Sariputra, if there is a good man or a good woman who hears Amita Buddha and

Tuo Fo Zhi Chi Ming Hao Ruo Yi Ri Ruo Er Ri Ruo
 陀 佛。 執 持 名 號。 若 一 日。 若 二 日。 若
 Đà Phật, chấp trì danh hiệu, nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược
 holds firmly his name, whether for one day, or for two days,

San Ri Ruo Si Ri Ruo Wu Ri Ruo Liu Ri Ruo Qi
 三 日。 若 四 日。 若 五 日。 若 六 日。 若 七
 tam nhật, nhược tứ nhật, nhược ngũ nhật, nhược lục nhật, nhược thất
 or for three days, or for four days, or for five days, or for six days, or for seven days,

Ri Yi Xin Bu Luan Qi Ren Lin Ming Zhong Shi A Mi
 日。 一 心 不 亂。 其 人 臨 命 終 時。 阿 彌
 nhật, nhất tâm bất loạn, kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di
 wholeheartedly and without distraction, when this person approaches the end of life,

Tuo Fo Yu Zhu Sheng Zhong Xian Zai Qi Qian Shi Ren Zhong
 陀 佛 與 諸 聖 眾。 現 在 其 前。 是 人 終
 Đà Phật dữ chư Thánh chúng, hiện tại kỳ tiền, thị nhân chung
 Amita Buddha and all the holy ones will appear before him. When the end comes,

Shi Xin Bu Dian Dao Ji De Wang Sheng A Mi Tuo Fo
 時。 心 不 顛 倒。 即 得 往 生。 阿 彌 陀 佛
 thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật
 this person, with his mind free from inversion, will go to be born in Amita Buddha's land of

Jī Le Guó Tǔ Shě Lì Fō Wǒ Jiàn Shì Lì Gù Shuō
 極樂國土。舍利弗。我見是利。故說
 Cực Lạc Quốc Độ. Xá Lợi Phất, ngã kiến thị lợi, cố thuyết
 Utmost Joy. Sariputra, I see this advantage and therefore say these words.

Cǐ Yán Ruò Yǒu Zhòng Shēng Wén Shì Shuō Zhě Yīng Dāng Fā
 此言。若有眾生。聞是說者。應當發
 thữ ngôn, nhước hữu chúng sanh, văn thị thuyết giả, ứng đương phát
 If there are living beings who hear these words,

Yuán Shēng Bì Guó Tǔ Shě Lì Fō Rú Wǒ Jīn Zhě Zàn
 願。生彼國土。舍利弗。如我今者。讚
 nguyện, sanh bỉ quốc độ. Xá Lợi Phất, như ngã kim giả, tán
 they should make the vow to be born in that land. Sariputra, as I am now praising

Tān Ā Mì Tuó Fō Bù Kě Sī Yì Gōng Dé Zhī Lì
 歎阿彌陀佛不可思議功德之利。
 tán Ā Mì Đà Phạt bất khả tư nghì công đức chi lợi.
 Amita Buddha's inconceivable merits,

Dōng Fāng Yì Yǒu Ā Chū Pì Fō Xū Mì Xiāng Fō Dà
 東方亦有阿閼鞞佛。須彌相佛。大
 Đông phương diệc hữu A Súc Bệ Phất, Tu Di Tướng Phất, Đại
 likewise to the East there are also Aksobhya Buddha, Merudhvaja Buddha,

Xū Mì Fō Xū Mì Guāng Fō Miào Yīn Fō Rú Shì Deng
 須彌佛。須彌光佛。妙音佛。如是等
 Tu Di Phất, Tu Di Quang Phất, Diệu Âm Phất; như thị đẳng
 Mahameru Buddha, Meruprabhasa Buddha, Sugghosa Buddha and other such Buddhas

Héng Hé Shā Shù Zhū Fō Gē Yú Qí Guó Chū Guāng Cháng
 恆河沙數諸佛。名於其國。出廣長
 hǎng hà sa số chư Phất, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường
 as many as Ganges' sands. Each in his own country puts out his vast and long tongue,

She Xiang Bian Fu San Qian Da Qian Shi Jie Shuo Cheng Shi
舌 相。 徧 覆 三 千 大 千 世 界。 說 誠 實
thiệt tướng, biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thiệt
covering entirely the great Trichiliocosms, and says the truthful words:

Yan Ru Deng Zhong Sheng Dang Xin Shi Cheng Zan Bu Ke Si
言。 汝 等 眾 生。 當 信 是 稱 讚 不 可 思
ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh, đương tín thị xưng tán bất khả tư
‘All you living beings should believe this Sutra of Praises for Inconceivable Merits

Yi Gong De Yi Qie Zhu Fo Suo Hu Nian Jing She Li
議 功 德。 一 切 諸 佛 所 護 念 經。 舍 利
nghì công đức nhất thiết chư Phật sở hộ niệm kinh.” Xá Lợi
and for All Buddhas’ Protection and Mindfulness.’ Sariputra,

Fo Nan Fang Shi Jie You Ri Yue Deng Fo Ming Wen Guang
弗。 南 方 世 界。 有 日 月 燈 佛。 名 聞 光
Phật, Nam phương thế giới, hữu Nhật Nguyệt Đăng Phật, Danh Văn Quang
in the Southern worlds, there are Candrasuryapradipa Buddha, Yasahprabha Buddha,

Fo Da Yan Jian Fo Xu Mi Deng Fo Wu Liang Jing Jin
佛。 大 鐵 肩 佛。 須 彌 燈 佛。 無 量 精 進
Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tu Di Đăng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn
Maharciskamdha Buddha, Merupradipa Buddha, Arantavirya Buddha

Fo Ru Shi Deng Heng He Sha Shu Zhu Fo Ge Yu Qi
佛。 如 是 等 恆 河 沙 數 諸 佛。 名 於 其
Phật; như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ
and other such Buddhas as many as Ganges’ sands. Each in his own country puts out his vast and

Guo Chu Guang Chang She Xiang Bian Fu San Qian Da Qian Shi
國。 出 廣 長 舌 相。 徧 覆 三 千 大 千 世
quốc, xuất quảng trường thiệt tướng, biến phủ tam thiên đại thiên thế
long tongue, covering entirely the great Trichiliocosms, and

Jie Shuo Cheng Shi Yan Ru Deng Zhong Sheng Dang Xin Shi Cheng
界。說 誠 實 言。汝 等 眾 生。當 信 是 稱
giới, thuyết thành thiết ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh, đương tín thị xưng
says the truthful words: ‘All you living beings should believe this Sutra of Praise for

Zan Bu Ke Si Yi Gong De Yi Qie Zhu Fo Suo Hu
讚 不 可 思 議 功 德。一 切 諸 佛 所 護
tán bất khả tư nghì công đức, nhất thiết chư Phật sở hộ
Inconceivable Merits and for All Buddhas’ Protection and Mindfulness.’

Nian Jing She Li Fo Xi Fang Shi Jie You Wu Liang Shou
念 經。舍 利 弗。西 方 世 界。有 無 量 壽
niệm kinh.” Xá Lợi Phất, Tây phương thế giới, hữu Vô Lượng Thọ
Sariputra, in the Western worlds there are Amitayus Buddha,

Fo Wu Liang Xiang Fo Wu Liang Chuang Fo Da Guang Fo
佛。無 量 相 佛。無 量 幢 佛。大 光 佛。
Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Tràng Phật, Đại Quang Phật,
Amitaskandha Buddha, Amitadhavaja Buddha, Mahaprabha Buddha,

Da Ming Fo Bao Xiang Fo Jing Guang Fo Ru Shi Deng Heng
大 明 佛。寶 相 佛。淨 光 佛。如 是 等 恆
Đại Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh Quang Phật; như thị đẳng hằng
Maharasmiprabha Buddha, Maharatnaketu Buddha, Suddharasmi Buddha and other such Buddhas

He Sha Shu Zhu Fo Ge Yu Qi Guo Chu Guang Chang She
河 沙 數 諸 佛。各 於 其 國。出 廣 長 舌
hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết
as many as Ganges’ sands. Each in his country puts out his vast and long tongue,

Xiang Bian Fu San Qian Da Qian Shi Jie Shuo Cheng Shi Yan
相。徧 覆 三 千 大 千 世 界。說 誠 實 言。
tướng, biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thiết ngôn:
covering entirely the great Trichiliocosms, and says the truthful words:

Ru Deng Zhong Sheng Dang Xin Shi Cheng Zan Bu Ke Si Yi
汝 等 眾 生。 當 信 是 稱 讚 不 可 思 議
“Nhữ đẳng chúng sanh, đương tín thị xưng tán bất khả tư nghĩ
'All you living beings should believe this Sutra of Praises for Inconceivable Merits

Gong De Yi Qie Zhu Fo Suo Hu Nian Jing She Li Fo
功 德。 一 切 諸 佛 所 護 念 經。 舍 利 弗。
công đức, nhất thiết chư Phật sở hộ niệm kinh.” Xá Lợi Phất,
and for All Buddhas' Protection and Mindfulness.' Sariputra,

Bei Fang Shi Jie You Yan Jian Fo Zui Sheng Yin Fo Nan
北 方 世 界。 有 緣 肩 佛。 最 勝 音 佛。 難
Bắc phương thế giới, hữu Diệm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan
in the Northern worlds, there are Maharciskamdha Buddha, Dumdubhisvaranirghosa Buddha,

Ju Fo Ri Sheng Fo Wang Ming Fo Ru Shi Deng Heng He
沮 佛。 日 生 佛。 維 明 佛。 如 是 等 恆 河
Trở Phật, Nhật Sanh Phật, Võng Minh Phật; như thị đẳng hằng hà
Duspradharsa Buddha, Adityasambhava Buddha, Jalemiprabha and other such Buddhas as many as

Sha Shu Zhu Fo Ge Yu Qi Guo Chu Guang Chang She Xiang
沙 數 諸 佛。 名 於 其 國。 出 廣 長 舌 相。
sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng,
Ganges' sands. Each in his own country puts out his vast and long tongue,

Bian Fu San Qian Da Qian Shi Jie Shuo Cheng Shi Yan Ru
徧 覆 三 千 大 千 世 界。 說 誠 實 言。 汝
biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thiết ngôn: “Nhữ
covering entirely the great Trichiliocosms, and says the truthful words:

Deng Zhong Sheng Dang Xin Shi Cheng Zan Bu Ke Si Yi Gong
等 眾 生。 當 信 是 稱 讚 不 可 思 議 功
đẳng chúng sanh, đương tín thị xưng tán bất khả tư nghĩ công
'All you living beings should believe this Sutra of Praises for Inconceivable Merits

De Yi Qie Zhu Fo Suo Hu Nian Jing She Li Fo Xia
德。一切諸佛所護念經。舍利弗。下
đức, nhất thiết chư Phật sở hộ niệm kinh.” Xá Lợi Phất, Hạ
and for All Buddhas Protection and Mindfulness.’ Sariputra,

Fang Shi Jie You Shi Zi Fo Ming Wen Fo Ming Guang Fo
方世界。有師子佛。名聞佛。名光佛。
phương thế giới, hữu Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật,
in the world below, there are Simha Buddha, Yasas Buddha, Yasahprabha Buddha,

Da Mo Fo Fa Chuang Fo Chi Fa Fo Ru Shi Deng Heng
達摩佛。法幢佛。持法佛。如是等恆
Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật; như thị đẳng hằng
Dharma Buddha, Dharmadhva Buddha, Dharmadhara Buddha, and other such Buddhas

He Sha Shu Zhu Fo Ge Yu Qi Guo Chu Guang Chang She
河沙數諸佛。名於其國。出廣長舌
hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt
as many as Ganges’ sands. Each in his country puts out his vast and long tongue,

Xiang Bian Fu San Qian Da Qian Shi Jie Shuo Cheng Shi Yan
相。徧覆三千大千世界。說誠實言。
tướng, biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thiệt ngôn:
covering entirely the great Trichiliocosms, and says the truthful words:

Ru Deng Zhong Sheng Dang Xin Shi Cheng Zan Bu Ke Si Yi
汝等眾生。當信是稱讚不可思議
“Nhữ đẳng chúng sanh, đương tín thị xưng tán bất khả tư nghì
‘All you living beings should believe this Sutra of Praises for Inconceivable Merits

Gong De Yi Qie Zhu Fo Suo Hu Nian Jing She Li Fo
功德。一切諸佛所護念經。舍利弗。
công, đức, nhất thiết chư Phật sở hộ niệm kinh.” Xá Lợi Phất,
and for all Buddhas’ Protection and Mindfulness.’ Sariputra,

Shang Fang Shi Jie You Fan Yin Fo Xiu Wang Fo Xiang Shang
上 方 世 界。 有 梵 音 佛。 宿 王 佛。 香 上

Thượng phương thế giới, hữu Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng
in the worlds above there are Brahmaghosa Buddha, Naksatraraja Buddha, Gamdhottama Buddha,

Fo Xiang Guang Fo Da Yan Jian Fo Za Se Bao Hua Yan
佛。 香 光 佛。 大 緣 肩 佛。 雜 色 寶 華 嚴

Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm
Gamdhaprabhasa Buddha, Maharciskamdha Buddha, Ratnakusumasampuspitagatra Buddha,

Shen Fo Suo Luo Shu Wang Fo Bao Hua De Fo Jian Yi
身 佛。 娑 羅 樹 王 佛。 寶 華 德 佛。 見 一

Thân Phật, Ta La Thọ Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất
Salendraraja Buddha, Ratnotpalasri Buddha,

Qie Yi Fo Ru Xu Mi Shan Fo Ru Shi Deng Heng He
切 義 佛。 如 須 彌 山 佛。 如 是 等 恆 河

Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật; như thị đẳng hằng hà
Sarvarthadarsa Buddha, Sumerukalpa Buddha and other such Buddhas as many as Ganges' sands.

Sha Shu Zhu Fo Ge Yu Qi Guo Chu Guang Chang She Xiang
沙 數 諸 佛。 名 於 其 國。 出 廣 長 舌 相。

sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng,
Each in his own country puts out his vast and long tongue,

Bian Fu San Qian Da Qian Shi Jie Shuo Cheng Shi Yan Ru
徧 覆 三 千 大 千 世 界。 說 誠 實 言。 汝

biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thiết ngôn: “Như
covering entirely the great Trichiliocosms, and says the truthful words:

Deng Zhong Sheng Dang Xin Shi Cheng Zan Bu Ke Si Yi Gong
等 眾 生。 當 信 是 稱 讚 不 可 思 議 功

dằng chúng sanh, đương tín thị xưng tán bất khả tư nghĩ công
‘You living beings should believe this Sutra of Praises for Inconceivable Merits

De Yi Qie Zhu Fo Suo Hu Nian Jing She Li Fo Yu
德。一切諸佛所護念經。舍利弗。於
đức, nhất thiết chư Phật sở hộ niệm kinh.” Xá Lợi Phất, ư
and for All Buddhas’ Protection and Mindfulness.’ Sariputra,

Ru Yi Yun He He Gu Ming Wei Yi Qie Zhu Fo Suo
汝意云何。何故名爲一切諸佛所
nhữ ý vân hà? Hà cố danh vi: Nhất Thiết Chư Phật Sở
what do you think? Why is it called the Sutra of All Buddhas’ Protection and Mindfulness?

Hu Nian Jing She Li Fo Ruo You Shan Nan Zi Shan Nü
護念經。舍利弗。若有善男子善女
Hộ Niệm Kinh? Xá Lợi Phất, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ
Sariputra, if there are good men and good women

Ren Wei Shi Jing Shou Chi Zhe Ji Wen Zhu Fo Ming Zhe
人。聞是經受持者。及聞諸佛名者。
nhơn, văn thị kinh thọ trì giả, cập văn chư Phật danh giả,
who hear this Sutra and hold to it and who hear the names of Buddhas,

Shi Zhu Shan Nan Zi Shan Nü Ren Jie Wei Yi Qie Zhu
是諸善男子善女人。皆爲一切諸
thị chư thiện nam tử, thiện nữ nhơn, giai vi nhất thiết chư
these good men and good women are all under the protection and mindfulness of all Buddhas

Fo Zhi Suo Hu Nian Jie De Bu Tui Zhuan Yu A Nuo
佛之所護念。皆得不退轉於阿耨
Phật chi sở hộ niệm, giai đắc bất thoái chuyển ư A Nậu
and will invariably not retrogress from

Duo Luo San Miao San Pu Ti Shi Gu She Li Fo Ru
多羅三藐三菩提。是故舍利弗。汝
Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Thị cố Xá Lợi Phất, nhữ
Annuttara Samyak Sambodhi. Therefore, Sariputra,

Deng Jie Dang Xin Shou Wo Yu Ji Zhu Fo Suo Shuo She
 等 皆 當 信 受 我 語。 及 諸 佛 所 說。 舍
 đẳng giai đương tín thọ ngã ngữ, cập chư Phật sở thuyết. Xá
 all of you should believe and accept my words and what Buddhas have said.

Li Fo Ruo You Ren Yi Fa Yuan Jin Fa Yuan Dang Fa
 利 弗。 若 有 人 已 發 願。 今 發 願。 當 發
 Lợi Phát, nhược hữu nhơn dĩ phát nguyện, kim phát nguyện, đương phát
 Sariputra, if there are people who have already made the vow, are now making the vow

Yuan Yu Sheng A Mi Tuo Fo Guo Zhe Shi Zhu Ren Deng
 願。 欲 生 阿 彌 陀 佛 國 者。 是 諸 人 等。
 nguyện, dục sanh A Di Đà Phật quốc giả, thị chư nhơn đẳng,
 or are about to make the vow to wish to be born in Amita Buddhaland,

Jie De Bu Tui Zhuan Yu A Nuo Duo Luo San Miao San Pu
 皆 得 不 退 轉 於 阿 耨 多 羅 三 藐 三 菩
 giai đắc bất thoái chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ
 these people invariably will not retrogress from Annuttara Samyak Sambodhi,

Ti Yu Bi Guo Tu Ruo Yi Sheng Ruo Jin Sheng Ruo Dang
 提。 於 彼 國 土。 若 已 生。 若 今 生。 若 當
 Đề, ư bỉ quốc độ nhược dĩ sanh, nhược kim sanh, nhược đương
 whether they were born, or are born or will be born in that land.

Sheng Shi Gu She Li Fo Zhu Shan Nan Zi Shan Nü Ren
 生。 是 故 舍 利 弗。 諸 善 男 子 善 女 人。
 sanh. Thị cố Xá Lợi Phát, chư thiện nam tử, thiện nữ nhơn,
 Therefore, Sariputra, all good men and good women,

Ruo You Xin Zhe Ying Dang Fa Yuan Sheng Bi Guo Tu She
 若 有 信 者。 應 當 發 願。 生 彼 國 土。 舍
 nhược hữu tín giả, ứng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ. Xá
 if they are believers, should make the vow to be born in that land.

\ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ /
 Li Fo Ru Wo Jin Zhe Cheng Zan Zhu Fo Bu Ke Si
 利 弗。 如 我 今 者。 稱 讚 諸 佛 不 可 思
 Lợi Phát, như ngã kim giả, xưng tán chư Phật bất khả tư
 Sariputra, as I am now praising all Buddhas' Inconceivable merits,

\ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ /
 Yi Gong De Bi Zhu Fo Deng Yi Cheng Zan Wo Bu Ke
 議 功 德。 彼 諸 佛 等。 亦 稱 讚 我 不 可
 nghi công đức, bỉ chư Phật đẳng, diệc xưng tán ngã bất khả
 likewise all those Buddhas praise my inconceivable merits

\ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ /
 Si Yi Gong De Er Zuo Shi Yan Shi Jia Mou Ni Fo
 思 議 功 德。 而 作 是 言。 釋 迦 牟 尼 佛。
 tư nghi công đức, nhi tác thị ngôn: “Thích Ca Mâu Ni Phật,
 and say these words: ‘Sakyamuni Buddha

\ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ /
 Neng Wei Shen Nan Xi You Zhi Shi Neng Yu Suo Po Guo
 能 為 甚 難 希 有 之 事。 能 於 娑 婆 國
 năng vi thậm nan hy hữu chi sự, năng ư Ta Bà quốc
 can do very difficult and rare things. In the saha land

\ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ /
 Tu Wu Zhuo E Shi Jie Zhuo Jian Zhuo Fan Nao Zhuo
 土。 五 濁 惡 世。 劫 濁。 見 濁。 煩 惱 濁。
 độ, ngũ trước ác thế: kiếp trước, kiến trước, phiền não trước,
 during the evil time of five turbidities: amidst the kalpa turbidity, the view turbidity, affliction

\ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ /
 Zhong Sheng Zhuo Ming Zhuo Zhong De A Nuo Duo Luo San Miao
 眾 生 濁。 命 濁 中。 得 阿 耨 多 羅 三 藐
 chúng sanh trước, mạng trước trung, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu
 turbidity, the living-being turbidity and the life turbidity, he can attain Annuttara Samyak Sambodhi

\ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ / \ /
 San Pu Ti Wei Zhu Zhong Sheng Shuo Shi Yi Qie Shi Jian
 三 菩 提。 為 諸 眾 生。 說 是 一 切 世 間
 Tam Bồ Đề, vi chư chúng sanh, thuyết thị nhất thiết thế gian
 and speak for living beings this Dharma, which is hardly believable, to all the world.’ Sariputra,

Nan Xin Zhi Fa She Li Fo Dang Zhi Wo Yu Wu Zhuo
 難 信 之 法。 舍 利 弗。 當 知 我 於 五 濁
 nan tín chi Pháp.” Xá Lợi Phất, đương tri ngã ư ngũ trước
 you should know that I do this difficult thing during the evil time of the five turbidities.

E Shi Xing Ci Nan Shi De A Nuo Duo Luo San Miao
 惡 世。 行 此 難 事。 得 阿 耨 多 羅 三 藐
 ác thế, hành thử nan sự đắc A Nậu Đa La Tam Miệu
 Attain Annuttara Samyak Sambodhi

San Pu Ti Wei Yi Qie Shi Jian Shuo Ci Nan Xin Zhi
 三 菩 提。 為 一 切 世 間 說 此 難 信 之
 Tam Bồ Đề, vì nhứt thiết thế gian thuyết thử nan tín chi
 and speak, for the sake of all the world, this hard-to-believe Dharma.

Fa Shi Wei Shen Nan Fo Shuo Ci Jing Yi She Li Fo
 法。 是 甚 難。 佛 說 此 經 已。 舍 利 弗
 Pháp, thị vi thậm nan. Phật thuyết thử kinh dĩ, Xá Lợi Phất
 It is, indeed, very difficult.” After Buddha spoke this Sutra, Sariputra

Ji Zhu Bi Qiu Yi Qie Shi Jian Tian Ren A Xiu Luo
 及 諸 比 丘。 一 切 世 間 天 人 阿 修 羅
 cập chư Tỳ Kheo, nhứt thiết thế gian, Thiên, Nhơn, A Tu La
 and all the Bhiksus, devas, human beings, Asuras, etc., in all worlds,

Deng Wen Fo Suo Shuo Huan Xi Xin Shou Zuo Li Er Qu
 等。 聞 佛 所 說。 歡 喜 信 受。 作 禮 而 去。
 đẳng, văn Phật sở thuyết, hoan hỷ tín thọ, tác lễ nhi khứ.
 having heard what Buddha said, joyously believed, bowed and left.

Fo Shuo A Mi Tuo Jing
 佛 說 阿 彌 陀 經
 Phật Thuyết A Di Đà Kinh
 Amita Sutra spoken by Buddha

Ba	Yi	Qie	Ye	Zhang	Gen	Ben	De	Sheng	Jing	Tu	Tuo	Luo	Ni
拔	一	切	業	障	根	本	得	生	淨	土	陀	羅	尼
Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chướng Căn Bản Đắc Sanh Tịnh Độ Đà La Ni													
Uproots All Karmic Hindrances For Rebirth In Pure Land													

(三遍 Tụng 3 lần Recite three times)

Na	Mo	A	Mi	Duo	Po	Ye	Duo	Ta	Qie	Duo	Ye
南	無	阿	彌	多	婆	夜。	哆	佉	伽	多	夜。
Nam	mô	a	di	đa	bà	dạ,	đa	tha	già	đa	dạ,

Duo	Di	Ye	Ta	A	Mi	Li	Du	Po	Pi
哆	地	夜	佉。	阿	彌	利	都	婆	毗。
đa	địa	dạ	tha,	a	di	rị	đô	bà	tì,

A	Mi	Li	Duo	Xi	Dan	Po	Pi
阿	彌	利	哆。	悉	耽	婆	毗。
a	di	rị	đa,	tất	đam	bà	tì,

A	Mi	Li	Duo	Pi	Jia	Lan	Di
阿	彌	唎	哆。	毗	迦	蘭	帝。
a	di	rị	đa,	tì	ca	lan	đế,

A	Mi	Li	Duo	Pi	Jia	Lan	Duo	Qie	Mi	Ni
阿	彌	唎	哆。	毗	迦	蘭	多。	伽	彌	膩。
a	di	rị	đa,	tì	ca	lan	đa,	dà	di	nị,

Qie	Qie	Na	Zhi	Duo	Jia	Li	Suo	Po	He
伽	伽	那。	枳	多	迦	利。	娑	婆	訶。
già	già	na,	chỉ	đa	ca	lệ,	sa	bà	ha.

讚 佛 偈

Tán Phật Kệ
Praise of Amita Buddha

Ā Mǐ Tuó Fó Shēn Jīn Sè
阿 彌 陀 佛 身 金 色。
Ā Dī Đà Phật thân kim sắc
Amita Buddha all in golden color,

Xiāng Hǎo Guāng Míng Wú Dēng Lún
相 好 光 明 無 等 倫。
Tượng hảo quang minh vô đẳng luân
With form, features and radiance unequalled,

Bái Hào Wǎn Zhuǎn Wú Xū Mǐ
白 毫 宛 轉 五 須 彌。
Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di
White curls winding like the five Sumeru Mountains,

Gān Mù Chéng Qīng Sì Dà Hǎi
紺 目 澄 清 四 大 海。
Cám mục trường thanh tứ đại hải
And purple eyes as clear as the four great seas.

Guāng Zhōng Huà Fó Wú Shù Yì
光 中 化 佛 無 數 億。
Quang trung hóa Phật vô số ức
In his aura are transformed Buddhas in countless millions,

Huà Pǔ Sà Zhōng Yì Wú Biān
化 菩 薩 眾 亦 無 邊。
Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên
And transformed Bodhisattvas, also, in limitless number;

Si	Shi	Ba	Yuan	Du	Zhong	Sheng
四	十	八	願	度	眾	生。
Tứ	thập	bát	nguyện	độ	chúng	sanh

Forty-eight vows he made to enlighten sentient beings

Jiu	Pin	Xian	Ling	Deng	Bi	An
九	品	咸	令	登	彼	岸。
Cửu	phẩm	hàm	linh	đăng	bỉ	ngạn

And to enable all nine grades to reach the other shore.

Na	Mo	Xi	Fang	Ji	Le	Shi	Jie
南	無	西	方	極	樂	世	界
Nam	Mô	Tây	Phương	Cực	Lạc	Thế	Giới

Homage to the Most Compassionate One of the Western Paradise,

Da	Ci	Da	Bei	A	Mi	Tuo	Fo
大	慈	大	悲	阿	彌	陀	佛。
Đại	Từ	Đại	Bi	A	Di	Đà	Phật

Amita Buddha.

Na	Mo	A	Mi	Tuo	Fo
南	無	阿	彌	陀	佛。
Nam	Mô	A	Di	Đà	Phật

Homage to Amita Buddha.

回 向 偈
 Hôi Hưởng Kệ
 Parinamana Gatha

Yuan Sheng Xi Fang Jing Tu Zhong
 願 生 西 方 淨 土 中。
 Nguyên sanh Tây phương Tịnh Độ trung
 We wish to be born in the Western Pure Land,

Jiu Pin Lian Hua Wei Fu Mu
 九 品 蓮 華 菡 萏 母。
 Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu
 With lotus blossoms, in nine stages, as parents.

Hua Kai Jian Fo Wu Wu Sheng
 花 開 見 佛 悟 無 生。
 Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh
 When the lotus blossoms fully, we shall see the Buddha and be enlightened to the absolute truth,

Bu Tui Pu Sa Wei Ban Lu
 不 退 菩 薩 菡 萏 侶。
 Bất thoái Bồ Tát vi bạn lữ.
 With never-retrogressive Bodhisattvas as companions.

南 無 阿 彌 陀 佛

朝 時 課 誦
卷 下

**Kinh tụng Buổi Sáng
Quyển Hạ**

**The Buddhist Liturgy for
Morning Service
Session II**

稱 聖 號
Xưng Thánh Hiệu
Invocation

(以下各三稱，跪念，心存觀想。)

(Quỳ tụng mỗi câu 3 lần, tâm tưởng niệm Phật)
(Recite three times each of the following, kneeling in meditation.)

Na	Mo	Guan	Shi	Yin	Pu	Sa
南	無	觀	世	音	菩	薩
Nam	Mô	Quán	Thế	Âm	Bồ	Tát

Homage to Avalokitesvara Bodhisattva.

Na	Mo	Da	Shi	Zhi	Pu	Sa
南	無	大	勢	至	菩	薩
Nam	Mô	Đại	Thế	Chí	Bồ	Tát

Homage to Mahasthamaprapta Bodhisattva.

Na	Mo	Qing	Jing	Da	Hai	Zhong	Pu	Sa
南	無	清	淨	大	海	眾	菩	薩
Nam	Mô	Thanh	Tịnh	Đại	Hải	Chúng	Bồ	Tát

Homage to all Bodhisattvas in the great pure congregation.

普 賢 菩 薩 十 六 行 願
 Phổ Hiền Bồ Tát Thập Đại Hạnh Nguyên
 Samantabhadra Bodhisattva's Ten Grand Vows

(以下跪念，懇切至誠)
 (Quỳ niệm, tâm thành khẩn)
 (Still kneeling, recite piously)

Yì Zhe Lǐ Jìng Zhū Fó
 一 耆 禮 敬 諸 佛。
 Nhất giả lễ kính chư Phật.
 Firstly, make obeisance to all Buddhas,

Èr Zhe Chéng Zàn Rú Lái
 二 耆 稱 讚 如 來。
 Nhị giả xưng tán Như Lai.
 Secondly, praise Tathagatas,

Sān Zhe Guāng Xiū Gòng Yāng
 三 耆 廣 修 供 養。
 Tam giả quảng tu cúng dường.
 Thirdly, proffer abundant oblations,

Sì Zhe Chān Huì Yè Zhāng
 四 耆 懺 悔 業 障。
 Tứ giả sám hối nghiệp chướng.
 Fourthly, repent evil deeds,

Wú Zhe Suī Xǐ Gōng Dé
 五 耆 隨 喜 功 德。
 Ngũ giả tùy hỷ công đức.
 Fifthly, acquiesce gladly in others' merits and virtues,

\ ✓ ✓ ✓ ✓ /
Liu Zhe Qing Zhuan Fa Lun
 六 耑 請 轉 法 輪。
Lục giả thỉnh chuyển Pháp Luân.
 Sixthly, entreat for the turning of Dharma Wheels,

– ✓ ✓ / \ \
Qi Zhe Qing Fo Zhu Shi
 七 耑 請 佛 住 世。
Thất giả thỉnh Phật trụ thế.
 Seventhly, pray for Buddhas to stay in the world,

– ✓ / / / /
Ba Zhe Chang Sui Fo Xue
 八 耑 常 隨 佛 學。
Bát giả thường tùy Phật học.
 Eighthly, always follow and learn from the Buddhas,

✓ ✓ / \ \ –
Jiu Zhe Heng Shun Zhong Sheng
 九 耑 恒 順 眾 生。
Cửu giả hằng thuận chúng sanh.
 Ninthly, always gratify all sentient beings,

/ ✓ ✓ – / \
Shi Zhe Pu Jie Hui Xiang
 十 耑 普 皆 迎 向。
Thập giả phổ giai hội hướng.
 Tenthly, make a universal dedication.

/ – – \ / \ /
Shi Fang San Shi Yi Qie Fo
 十 方 三 世 一 切 佛。
Thập phương tam thế nhất thiết Phật.
 To all Buddhas in all places and at all times,

/ \ / \ / – \
Yi Qie Pu Sa Mo He Sa
 一 切 菩 薩 摩 訶 薩。
Nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát.
 And all Bodhisattvas Mahasattvas,

Mo	He	Bo	Ruo	Bo	Luo	Mi
摩	訶	般	若	波	羅	蜜。
Ma	Ha	Bát	Nhã	Ba	La	Mật.

Mahaprajnaparamita.

Si	Sheng	Jiu	You
四	生	九	有。
Tứ	sanh	cửu	hữu.

Each one from the four forms of births in the nine realms of existence,

Tong	Gui	Jing	Tu	Fa	Men
吒	歸	淨	土	法	門。
Đồng	qui	Tịnh	Độ	Pháp	Môn.

Invariably take refuge in the Pure Land Dharma Door.

Ba	Nan	San	Tu
八	難	三	途。
Bát	nạn	tam	đô.

All in the eight difficult suffering categories and in the three evil paths,

Gong	Ru	Mi	Tuo	Yuan	Hai
共	入	彌	陀	願	海。
Cộng	nhập	Di	Đà	Nguyện	Hải.

Enter together the Great Ocean of Original Vows of the Amita Buddha.

三 皈 依
Tam Quy Y
Three Refuges

Zì	Guī	Yī	Fó	Dāng	Yuàn	Zhōng	Shēng
自	皈	依	佛。	當	願	眾	生。
Tự	quy	y	Phật,	đương	nguyện	chúng	sanh,

I take refuge in Buddha, wishing all sentient beings

Tǐ	Jiě	Dà	Dào	Fā	Wú	Shàng	Xīn
體	解	大	道。	發	無	上	心。
thể	giải	đại	đạo,	phát	vô	thượng	tâm.

to understand the Great Doctrine, and make the superlative resolve.

Zì	Guī	Yī	Fǎ	Dāng	Yuàn	Zhōng	Shēng
自	皈	依	法。	當	願	眾	生。
Tự	quy	y	Pháp,	đương	nguyện	chúng	sanh,

I take refuge in Dharma, wishing all sentient beings

Shēn	Rù	Jīng	Zàng	Zhì	Huì	Rú	Hǎi
深	入	經	藏。	智	慧	如	海。
thâm	nhập	Kinh	Tạng,	trí	tuệ	như	hải.

to penetrate the Sutra Pitaka with wisdom as unfathomable as the ocean.

Zì	Guī	Yī	Sēng	Dāng	Yuàn	Zhōng	Shēng
自	皈	依	僧。	當	願	眾	生。
Tự	quy	y	Tăng,	đương	nguyện	chúng	sanh,

I take refuge in Sangha, wishing all sentient beings

Tōng	Lǐ	Dà	Zhōng	Yī	Qī	Wú	Āi
統	理	大	眾。	一	切	無	礙。
thống	lý	đại	chúng,	nhất	thiết	vô	ngại.

to harmonize multitudes in general without any obstruction

He Nan Sheng Zhong
和 南 聖 眾。

Hòa Nam Thánh Chúng
whatsoever and to respect the sacred Sangha.

回 向 偈
Hồi Hưởng Kệ
Parinamana Gatha

Yuan Yi Ci Gong De Zhuang Yan Fo Jing Tu
願 以 此 功 德。 莊 嚴 佛 淨 土。
Nguyễn dĩ thử công đức, trang nghiêm Phật Tịnh Độ.
May the merits and virtues accrued in this work adorn the Amitabha Buddha's Pure Land,

Shang Bao Si Chong En Xia Ji San Tu Ku
上 報 四 重 恩。 下 濟 三 途 苦。
Thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ.
Repay the four great kindnesses above, and relieve the suffering of those on the three paths below.

Ruo You Jian Wen Zhe Xi Fa Pu Ti Xin
若 有 見 聞 者。 悉 發 菩 提 心。
Nhược hữu kiến văn giả, tất phát Bồ Đề tâm.
May those who see or hear of these efforts generate Bodhi-mind,

Jin Ci Yi Bao Shen Tong Sheng Ji Le Guo
盡 此 一 報 身。 同 生 極 樂 國。
Tận thử nhứt báo thân, đồng sanh Cực Lạc Quốc.
Spend their lives devoted to the Buddha Dharma, and finally be reborn together in the Land of Ultimate Bliss.

南 無 阿 彌 陀 佛

暮 時 課 誦
卷 下

**Kinh tụng Buổi Chiều
Quyển Hạ**

**The Buddhist Liturgy for
Evening Services
Session II**

稱 聖 號
Xưng Thánh Hiệu
Invocation

(以下各三稱，跪念，心存觀想。)
(Quỳ tụng mỗi câu 3 lần, tâm tưởng niệm Phật)
(Recite three times each of the following, kneeling in meditation.)

Na	Mo	Guan	Shi	Yin	Pu	Sa
南	無	觀	世	音	菩	薩
Nam	Mô	Quán	Thế	Âm	Bồ	Tát

Homage to Avalokitesvara Bodhisattva.

Na	Mo	Da	Shi	Zhi	Pu	Sa
南	無	大	勢	至	菩	薩
Nam	Mô	Đại	Thế	Chí	Bồ	Tát

Homage to Mahasthamaprapta Bodhisattva.

Na	Mo	Qing	Jing	Da	Hai	Zhong	Pu	Sa
南	無	清	淨	大	海	眾	菩	薩
Nam	Mô	Thanh	Tịnh	Đại	Hải	Chúng	Bồ	Tát

Homage to all Bodhisattvas in the great pure congregation.

慈雲懺主淫土

Từ Vân Sám Chủ Tịnh Độ Văn
Prayer By Ci Yun Chan Zhu

(仍跪念 Quỳ tụng Remain kneeling)

Yì Xīn Guī Mìng Jí Lè Shì Jiè Ā Mí Tuó Fó
一 心 皈 命。 極 樂 世 界。 阿 彌 陀 佛。

Nhất tâm quy mạng, Cực Lạc Thế Giới, A Di Đà Phật.
Wholeheartedly we take refuge in Amita Buddha of the Western Paradise.

Yuán Yǐ Jīng Guāng Zhào Wǒ Cí Shì Shē Wǒ
願 以 淨 光 照 我。 慈 誓 攝 我。

Nguyện dĩ tịnh quang chiếu ngã, từ thị tiếp ngã.
May his pure light shine upon us, and his kind vows accept us.

Wǒ Jīn Zhèng Niàn Chéng Rú Lái Míng Wēi Pú Tí Dào
我 今 正 念。 稱 如 來 名。 萬 菩 提 道。

Ngã kim chánh niệm, xưng Như Lai danh, vì Bồ Đề Đạo
We are now mindful, and invoke Tathagata's name; Aiming at Bodhi,

Qiú Shēng Jīng Tǔ Fó Xī Bēn Shì Ruò Yǒu Zhōng Shēng
求 生 淨 土。 佛 昔 本 誓。 若 有 眾 生。

cầu sanh Tịnh Độ. Phật tích bốn thệ, nhược hữu chúng sanh
We seek rebirth into the Pure Land. The Buddha made his own vow that if any sentient being who

Yù Shēng Wǒ Guó Zhì Xīn Xìn Yào Nài Zhì Shí Niàn
欲 生 我 國。 志 心 信 樂。 乃 至 十 念。

dục sanh ngã quốc, chí tâm tín nhạo, nãi chí thập niệm,
might wish to be reborn in his land, with determination and faith or with even only ten invocations,

Ruò Bù Shēng Zhē Bù Qǔ Zhèng Jué
若 不 生 者。 不 取 正 覺。

nhược bất sanh giả, bất thủ Chánh Giác.
Should yet fail to be reborn there, he would not have attained Supreme Enlightenment.

Yì Cǐ Niàn Fó Yīn Yuán De Rú Rú Lái
 以 此 念 佛 因 緣。 得 入 如 來。

Dī thǔ niệm Phật nhân duyên, đắc nhập Như Lai,
 By virtue of this mindfulness of Buddha, we may enter Tathagata's

Dà Shì Hǎi Zhōng Chéng Fó Cǐ Lì Zhōng Zuì Xiǎo Miè
 大 誓 海 中。 承 佛 慈 力。 眾 罪 消 滅。

dại thệ hải trung, thừa Phật từ lực, chúng tội tiêu diệt,
 Great ocean of vows. By the Buddha's mercy, may all iniquities be eradicated

Shān Gēn Zēng Zhǎng Ruò Lín Mìng Zhōng Zì Zhī Shí Zhì
 善 根 增 長。 若 臨 命 終。 自 知 時 至。

thiện căn tăng trưởng. Nhược lâm mạng chung, tự tri thời chí,
 And good roots increased. At the approach of life's end, may we know that time is up.

Shēn Wú Bìng Kǔ Xīn Bù Tān Lián Yì Bù Diān Dǎo
 身 無 病 苦。 心 不 貪 戀。 意 不 顛 倒。

thân vô bệnh khổ, tâm bất tham luyến, ý bất điên đảo,
 may the body suffer no ills, the mind harbor no attachments, and the senses yield no confusions.

Rú Rú Chan Dìng Fó Jì Shèng Zhōng Shǒu Zhì Jīn Tái
 如 入 禪 定。 佛 及 聖 眾。 手 執 金 臺。

như nhập thiền định, Phật cập thánh chúng, thủ chấp kim đài,
 As in Dhyana serenity. Buddha and the holy ones, carrying the platform of gold,

Lái Yíng Jiē Wǒ Yú Yì Niàn Qīng Shēng Jì Lè Guó
 來 迎 接 我。 於 一 念 頃。 生 極 樂 國。

lai nghinh tiếp ngã, ư nhất niệm khoảnh, sanh Cực Lạc Quốc.
 come to meet us, that we may, in a split second, be reborn in Paradise.

Huā Kāi Jiàn Fó Jì Wén Fó Shèng Dùn Kāi Fó Huì
 花 開 見 佛。 即 聞 佛 乘。 頓 開 佛 慧。

Hoa khai kiến Phật, tức văn Phật thừa, đốn khai Phật tuệ,
 We, as the lotus unfolds, see Buddha, at once hear the Buddha Vehicle, Suddenly penetrate Buddha's wisdom.

Guang	Du	Zhong	Sheng	Man	Pu	Ti	Yuan
廣	度	眾	生。	滿	菩	提	願。
quảng	độ	chúng	sanh,	mãn	Bồ	Đề	nguyện.

And deliver all sentient beings. In fulfillment at Bodhi wishes.

Shi	Fang	San	Shi	Yi	Qie	Fo
十	方	三	世	一	切	佛。
Thập	phương	tam	thế	nhất	thiết	Phật

Buddhas in all places at all times.

Yi	Qie	Pu	Sa	Mo	He	Sa
一	切	菩	薩	摩	訶	薩。
Nhất	thiết	Bồ	Tát	Ma	Ha	Tát

Bodhisattvas, Mahasattvas,

Mo	He	Bo	Ruo	Bo	Luo	Mi
摩	訶	般	若	波	羅	蜜。
Ma	Ha	Bát	Nhã	Ba	La	Mật

Mahaprajnaparamita.

普 賢 菩 薩 警 眾 偈
Phổ Hiền Bồ Tát Cảnh Chúng Kệ
Samantabhadra's Admonition

(Remain kneeling 仍跪念 Quỳ tụng)

Shi	Ri	Yi	Guo	Ming	Yi	Sui	Jian
是	日	已	過。	命	亦	隨	減。
Thị	nhật	đĩ	quá.	Mạng	diệc	tùy	giảm.

The day is done, and life dwindles accordingly.

Ru	Shao	Shui	Yu	Sĩ	You	He	Le
如	少	水	魚。	斯	有	何	樂。
Như	thiểu	thủy	ngư.	Thị	hữu	hà	lạc.

Like fish with little water, what joy is there!

(The Celebrant intones 維那師一人唱 Sư Duy-Na hát)

Da	Zhong
大	眾。
Đại	chúng

Let us all

(全體卽唱 Đại chúng đồng hát The Congregation joins the Celebrant)

Dang	Qin	Jing	Jin	Ru	Jiu	Tou	Ran
當	勤	精	進。	如	救	頭	燃。
Đương	cần	tinh	tấn.	Như	cứu	đầu	nhiên.

Endeavor for good progress, as if to fight a fire burning on one's own head.

Dan	Nian	Wu	Chang	Shen	Wu	Fang	Yi
但	念	無	常。	慎	勿	放	逸。
Đản	niệm	vô	thường.	Thậm	vật	phóng	dật.

Just keep impermanence in mind and guard against looseness.

三 皈 依
Tam Quy Y
Three Refuges

Zì	Guī	Yī	Fó	Dāng	Yuán	Zhōng	Shēng
自	皈	依	佛。	當	願	眾	生。
Tự	quy	y	Phật,	đương	nguyện	chúng	sanh,

I take refuge in Buddha, wishing all sentient beings

Tǐ	Jiě	Dà	Dào	Fā	Wú	Shàng	Xīn
體	解	大	道。	發	無	上	心。
thể	giải	đại	đạo,	phát	vô	thượng	tâm.

to understand the Great Doctrine, and make the superlative resolve.

Zì	Guī	Yī	Fǎ	Dāng	Yuán	Zhōng	Shēng
自	皈	依	法。	當	願	眾	生。
Tự	quy	y	Pháp,	đương	nguyện	chúng	sanh,

I take refuge in Dharma, wishing all sentient beings

Shēn	Rù	Jīng	Zàng	Zhì	Huì	Rú	Hǎi
深	入	經	藏。	智	慧	如	海。
thâm	nhập	Kinh	Tạng,	trí	tuệ	như	hải.

to penetrate the Sutra Pitaka with wisdom as unfathomable as the ocean.

Zì	Guī	Yī	Sēng	Dāng	Yuán	Zhōng	Shēng
自	皈	依	僧。	當	願	眾	生。
Tự	quy	y	Tăng,	đương	nguyện	chúng	sanh,

I take refuge in Sangha, wishing all sentient beings

Tōng	Lǐ	Dà	Zhōng	Yī	Qī	Wú	Āi
統	理	大	眾。	一	切	無	礙。
thống	lý	đại	chúng,	nhất	thiết	vô	ngại.

to harmonize multitudes in general without any obstruction

He Nan Sheng Zhong
和 南 聖 眾。

Hòa Nam Thánh Chúng
whatsoever and to respect the sacred Sangha.

回 向 偈

Hồi Hưởng Kệ
Parinamana Gatha

Yuan Yi Ci Gong De Zhuang Yan Fo Jing Tu
願 以 此 功 德。 莊 嚴 佛 淨 土。
Nguyện dĩ thử công đức, trang nghiêm Phật Tịnh Độ.
May the merits and virtues accrued in this work adorn the Amitabha Buddha's Pure Land,

Shang Bao Si Chong En Xia Ji San Tu Ku
上 報 四 重 恩。 下 濟 三 途 苦。
Thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ.
Repay the four great kindnesses above, and relieve the suffering of those on the three paths below.

Ruo You Jian Wen Zhe Xi Fa Pu Ti Xin
若 有 見 聞 者。 悉 發 菩 提 心。
Nhược hữu kiến văn giả, tất phát Bồ Đề tâm.
May those who see or hear of these efforts generate Bodhi-mind,

Jin Ci Yi Bao Shen Tong Sheng Ji Le Guo
盡 此 一 報 身。 同 生 極 樂 國。
Tận thử nhất báo thân, đồng sanh Cực Lạc Quốc.
Spend their lives devoted to the Buddha Dharma, and finally be reborn together in the Land of Ultimate Bliss.

南 無 阿 彌 陀 佛

佛 七 儀 規

Phật Thất Nghi Quy

Liturgy for Seven-Day Retreat

佛 七 大 回 向

Phật Thất Đại Hồi Hưởng

Grand Parinamana of Seven-Day Retreat

大 回 向

Đại Hồi Hướng
Grand Parinamana

(齊至佛前，聞大磬一聲，長跪，合掌，維那師舉腔，大眾和念)

(Khi nghe một tiếng khánh, tất cả quỳ xuống và chấp tay,
người Duy Na sử xướng và đại chúng cùng xướng theo.)

(All proceed to stand before the Buddha. On hearing one stroke of the big gong,
all kneel down and join palms. The celebrant intones and all chant in unison.)

Đệ Tử Trung Đẳng Hiện Sinh Tử Phàm Phu
弟 子 眾 等。 現 是 生 死 凡 夫。

Đệ tử chúng đẳng, hiện thị sanh tử phàm phu
We, the disciples, are at present plain mortals.

Zui Zhang Shen Zhong Lun Hui Liu Dao Ku Bu Ke Yan
罪 障 深 重。 輪 迴 六 道。 苦 不 可 言。

Tội chướng thâm trọng, luân hồi lục đạo, khổ bất khả ngôn
Deeply burdened with sins, transmigrating the six Paths of existence with suffering beyond words.

Jin Yu Zhi Shi De Wen Mi Tuo Ming Hao Ben Yuan Gong De
今 遇 知 識。 得 聞 彌 陀 名 號。 本 願 功 德。

Kim ngộ tri thức, đắc văn Di Đà danh hiệu, bản nguyện công đức
Now we find friends and hear the name of Amita Buddha with his original vows and virtues,

Yi Xin Cheng Nian Qiu Yuan Wang Sheng
一 心 稱 念。 求 願 往 生。

Nhứt tâm xưng niệm, cầu nguyện vãng sanh
which we wholeheartedly invoke, praying to be reborn in Pure Land.

Yuan Fo Ci Bei Bu She Ai Lian She Shou
願 佛 慈 悲 不 捨。 哀 憐 攝 受。

Nguyện Phật từ bi bất xả, ai lâm nhiếp thọ
May Buddha in compassion not forsake us, but pity and accept us.

Di Zi Zhong Deng Bu Shi Fo Shen
弟子眾等。不識佛身。
Đệ tử chúng đẳng, bất thức Phật thân
We, the disciples, do not recognize Buddha's being,

Xiang Hao Guang Ming Yuan Fo Shi Xian
相好光明。願佛示現。
Tướng hảo quang minh, nguyện Phật thị hiện
form, features, and radiance. May Buddha manifest them to us.

Ling Wo De Jian Ji Jian Guan Yin Shi Zhi
令我得見。及見觀音勢至。
Lệnh ngã đắc kiến, cập kiến Quán Âm Thế Chí
May we be able to behold them and see Avalokitesvara, Mahasthamaprapta,

Zhu Pu Sa Zhong Bi Shi Jie Zhong
諸菩薩眾。彼世界中。
Chư Bồ Tát chúng, bỉ thế giới trung
other Bodhisattvas and all pertaining to that world, such as

Qing Jing Zhuang Yan Guang Ming Miao Xiang Deng
清淨莊嚴。光明妙相等。
Thanh tịnh trang nghiêm, quang minh diệu tướng đẳng
purity, grandeur, glory, radiance, brilliance and wonder.

Ling Wo Liao Liao De Jian A Mi Tuo Fo
令我了了。得見阿彌陀佛。
Lệnh ngã liễu liễu, đắc kiến A Di Đà Phật
May we be enabled to see clearly Amita Buddha.

(起立, 出位, 合掌繞念)

(Đứng dậy rời chỗ, vừa đi vừa chấp tay niệm)
(All arise, join palms, circumambulate and invoke)

Na	Mo	A	Mi	Tuo	Fo	
南	無	阿	彌	陀	佛	(合掌繞念, 鳴磬一聲, 接念)
Nam	Mô	A	Di	Đà	Phật	(đi niệm một vòng, nghe khánh hiệu, tiếp niệm)
Homage to Amita Buddha.						(Join palms, circumambulate and invoke. On hearing one stroke of the big gong, proceed the next.)

Na	Mo	Guan	Shi	Yin	Pu	Sa
南	無	觀	世	音	菩	薩
Nam	Mô	Quán	Thế	Âm	Bồ	Tát
Homage to Bodhisattva Avalokitesvara. .						(đi niệm một vòng, nghe khánh hiệu, tiếp niệm)
						(Join palms, circumambulate and invoke. On hearing one stroke of the big gong, proceed the next.)

Na	Mo	Da	Shi	Zhi	Pu	Sa
南	無	大	勢	至	菩	薩
Nam	Mô	Đại	Thế	Chí	Bồ	Tát
Homage to Bodhisattva Mahasthamaprapta.						(đi niệm một vòng, nghe tiếng khánh, tiếp niệm)
						(Join palms, circumambulate and invoke. On hearing one stroke of the big gong, proceed the next.)

Na	Mo	Qing	Jing	Da	Hai	Zhong	Pu	Sa
南	無	清	淨	大	海	眾	菩	薩
Nam	Mô	Thanh	Tịnh	Đại	Hải	Chúng	Bồ	Tát
Homage to all Bodhisattvas in the pure great congregation.						(đi niệm một vòng, về chỗ củ,	(Join palms, circumambulate, invoke, return.	
						nghe tiếng khánh, quỳ xuống)	On hearing one stroke of the big gong,	
							all kneel down.)	

Na	Mo	Qing	Jing	Da	Hai	Zhong	Pu	Sa
南	無	清	淨	大	海	眾	菩	薩
Nam	Mô	Thanh	Tịnh	Đại	Hải	Chúng	Bồ	Tát
Homage to all Bodhisattvas in the pure great congregation.						(đi niệm một vòng, về chỗ củ,	(Join palms, circumambulate, invoke, return.	
						nghe tiếng khánh, ngừng niệm)	On hearing one stroke of the big gong,	
							prepare to stop invocation.)	

Na	Mo	Qing	Jing	Da	Hai	Zhong	Pu	Sa
南	無	清	淨	大	海	眾	菩	薩
Nam	Mô	Thanh	Tịnh	Đại	Hải	Chúng	Bồ	Tát
Homage to all Bodhisattvas in the pure great congregation.								

願 想

Nguyện Tưởng Wish Chant

Yuan Wo Lin Zhong Wu Zhang Ai A Mi Tuo Fo Yuan Xiang Ying
願 我 臨 終 無 障 礙。 阿 彌 陀 佛 遠 相 迎。

Nguyện ngã lâm chung vô chướng ngại, A Di Đà Phật viễn tương nghinh
I wish that I may meet the end of life without impediments. May Amita Buddha come from afar to receive me.

Guan Yin Gan Lu Sa Wu To Shi Zhi Jin Tai An Wo Zu
觀 音 甘 露 灑 吾 頭。 勢 至 金 臺 安 我 足。

Quán Âm cam lộ sái ngô thủ, Thế Chí kim đài an ngã túc
May Avalokitesvara's Amrta be sprinkled on my head, and Mahasthamaprapta's gold platform be set under my feet.

Yi Cha Na Zhong Li Wu Zhuo Qu Sheng Bi Qing Dao Lian Chi
一 剎 那 中 離 五 濁。 屈 伸 臂 頃 到 蓮 池。

Nhất sát na trung ly ngũ trước, khuất thân tí khoảnh đảo liên trì
In a wink I shall leave this world with its five kinds of pollution. In a flash I shall reach the Lotus Pond.

Lian Hua Kai Hou Jian Ci Zun Qin Ting Fa Yin Ke Liao Liao
蓮 華 開 後 見 慈 尊。 親 聽 法 音 可 了 了。

Liên hoa khai hậu kiến từ tôn, thân thỉnh Pháp âm khả liễu liễu
After the lotus blooms fully, I shall see the Kind Honored One, and in person listen to and hear his voice, indeed, clearly.

Wen Yi Ji Wu Wu Sheng Ren Bu Wei An Yang Ru Suo Po
聞 已 即 悟 無 生 忍。 不 違 安 養 入 娑 婆。

Văn dĩ tức ngộ vô sanh nhẫn, bất vi an dưỡng nhập Ta Bà
Having heard him I shall rest in the belief in peace beyond Rebirth. Without abandoning Paradise I may re-enter the Saha worlds.

Shan Zhi Fang Bian Du Zhong Sheng Qiao Ba Cheng Lao Wei Fo Shi
善 知 方 便 度 眾 生。巧 把 塵 勞 為 佛 事。

Thiện tri phương tiện độ chúng sanh, xảo bả trần lao vi Phật sự
Well versed in those expedencies to enlighten sentient beings and adroitly to convert earthly toils to Buddhist services.

Wo Yuan Ru Si Fo Zi Zhi Bi Jing Dang Lai De Cheng Jiu
我 願 如 斯 佛 自 知。畢 竟 當 來 得 成 就。

Ngã nguyện như tư Phật tự tri, tất cánh đương lai đắc thành tựu
My wishes, as above, are, of course, known to Buddha and will finally, in the future, be realized.

(起立 Đứng lên All arise)

上 頂 禮

Thập Đảnh Lễ
Concluding Worship

Yì Xīn Dīng Lǐ
一 心 頂 禮。

Nhất tâm đảnh lễ
Wholeheartedly we honor

Hōng Yāng Jīng Lè Tu Shì Jiā Fō Rú Lái
宏 揚 淨 樂 土。釋 迦 佛 如 來。

Hoàng dương Tịnh Lạc Độ, Thích Ca Phật Như Lai
the one who preached the Pure Paradise, Sakyamuni Tathagata

Qiān Bǎi Yì Huà Shēng Biān Fǎ Jiè Zhū Fō
千 百 億 化 身。徧 法 界 諸 佛。

Thiên bách ức hóa thân, biến Pháp Giới chư Phật
with thousands, millions of Nirmanakayas, and all Buddhas throughout Dharmaksetra.

Yì Xīn Dīng Lǐ
一 心 頂 禮。

Nhất tâm đảnh lễ
Wholeheartedly we honor

Chāng Jì Guāng Jīng Tu Ā Mí Tuō Rú Lái
常 寂 光 淨 土。阿 彌 陀 如 來。

Thường tịch Quang Tịnh Độ, A Di Đà Như Lai
Amita Tathagata of the Pure Land of Permanent Peace and

Qīng Jīng Miào Fǎ Shēng Biān Fǎ Jiè Zhū Fō
清 淨 妙 法 身。徧 法 界 諸 佛。

Thanh tịnh diệu Pháp Thân, biến Pháp Giới chư Phật
Glory with pure and excellent Dharmakaya and all Buddhas throughout Dharmaksetra

Yì Xīn Dǐng Lǐ
一 心 頂 禮。

Nhất tâm đảnh lễ
Wholeheartedly we honor

Shí Bào Zhuāng Yán Tǔ Ā Mí Tuó Rú Lái
實 報 莊 嚴 土。阿 彌 陀 如 來。

Thực Báo Trang Nghiêm Độ, Ā Di Đà Như Lai
Amita Tathagata of the Glorious Land of Real Reward,

Wēi Chén Xiāng Hǎi Shēng Biān Fǎ Jiè Zhū Fó
微 塵 相 海 身。徧 法 界 諸 佛。

Vì trần tướng hải thân, biến Pháp Giới chư Phật
whose great being manifests as tiniest motes, and all Buddhas throughout Dharmaksetra

Yì Xīn Dǐng Lǐ
一 心 頂 禮。

Nhất tâm đảnh lễ
Wholeheartedly we honor

Fāng Biān Shèng Jū Tǔ Ā Mí Tuó Rú Lái
方 便 聖 居 土。阿 彌 陀 如 來。

Phương Tiện Thánh Cư Độ, Ā Di Đà Như Lai
Amita Tathagata of the Expedient Land dwelt in by the saints,

Xié Tuó Xiāng Yán Shēng Biān Fǎ Jiè Zhū Fó
解 脫 相 嚴 身。徧 法 界 諸 佛。

Giải thoát tướng nghiêm thân, biến Pháp Giới chư Phật
whose glorious being manifests in the form of liberation, and all Buddhas throughout Dharmaksetra.

Yì Xīn Dǐng Lǐ
一 心 頂 禮。

Nhất tâm đảnh lễ
Wholeheartedly we honor

Xī Fang Ān Lè Tǔ Ā Mǐ Tuō Rú Lái
西 方 安 樂 土。阿 彌 陀 如 來。

Tây Phương An Lạc Độ, A Di Đà Như Lai
Amita Tathagata of the Western Paradise

Dà Sheng Gēng Jiè Shēng Biān Fǎ Jiè Zhū Fó
大 乘 根 界 身。徧 法 界 諸 佛。

Đại Thừa căn giới thân, biến Pháp Giới chư Phật
with entity rooted in the Mahayana realm, and all Buddhas throughout Dharmaksetra.

Yì Xīn Dīng Lǐ
一 心 頂 禮。

Nhất tâm đảnh lễ
Wholeheartedly we honor

Xī Fang Ān Lè Tǔ Ā Mǐ Tuō Rú Lái
西 方 安 樂 土。阿 彌 陀 如 來。

Tây Phương An Lạc Độ, A Di Đà Như Lai
Amita Tathagata of the Western Paradise

Shí Fang Huà Wǎng Shēng Biān Fǎ Jiè Zhū Fó
十 方 化 往 生。徧 法 界 諸 佛。

Thập phương hóa vãng sanh, Biến Pháp giới chư Phật
who manifests himself in all places and all Buddhas throughout Dharmaksetra.

Yì Xīn Dīng Lǐ
一 心 頂 禮。

Nhất tâm đảnh lễ
Wholeheartedly we honor

Xī Fang Ān Lè Tǔ Jiào Xíng Lǐ Sān Jīng
西 方 安 樂 土。教 行 理 三 經。

Tây Phương An Lạc Độ, giáo hành lý tam kinh
the Sutras of the Western Paradise for the triad of Preaching, Practice and Principle,

Ji Yi Zheng Xuan Yang Bian Fa Jie Zun Fa
及 依 正 宣 揚。 徧 法 界 尊 法。

Cập y chánh tuyên dương, biến Pháp Giới Tôn Pháp
and the revered Dharma throughout Dharmaksetra, as expounded both indirectly and directly.

Yi Xin Ding Li
一 心 頂 禮。

Nhất tâm đảnh lễ
Wholeheartedly we honor

Xi Fang An Le Tu Guan Shi Yin Pu Sa
西 方 安 樂 土。 觀 世 音 菩 薩。

Tây Phương An Lạc Độ, Quán Thế Âm Bồ Tát
Avalokitesvara Bodhisattva of the Western Paradise

Wan Yi Zi Jin Shen Bian Fa Jie Pu Sa Mo He Sa
萬 億 紫 金 身。 徧 法 界 菩 薩 摩 訶 薩。

Vạn ức tử kim thân, biến Pháp Giới Bồ Tát Ma Ha Tát
with myriads and millions of entities in the purple-gold and all Bodhisattvas Mahasattvas throughout
Dharmaksetra.

Yi Xin Ding Li
一 心 頂 禮。

Nhất tâm đảnh lễ
Wholeheartedly we honor

Xi Fang An Le Tu Da Shi Zhi Pu Sa
西 方 安 樂 土。 大 勢 至 菩 薩。

Tây Phương An Lạc Độ, Đại Thế Chí Bồ Tát
Mahasthamaprapta Bodhisattva of the Western Paradise,

Wu Bian Guang Zhi Shen Bian Fa Jie Pu Sa Mo He Sa
無 邊 光 熾 身。 徧 法 界 菩 薩 摩 訶 薩。

Vô biên quang xī thân, biến Pháp Giới Bồ Tát Ma Ha Tát
the boundless, radiant, illumined being, and all Bodhisattvas Mahasattvas throughout Dharmaksetra.

Yì Xīn Dǐng Lǐ
一 心 頂 禮。

Nhất tâm đảnh lễ
Wholeheartedly we honor

Xī Fāng Ān Lè Tǔ Qīng Jīng Dà Hǎi Zhōng
西 方 安 樂 土。清 淨 大 海 眾。

Tây Phương An Lạc Độ, thanh tịnh đại hải chúng
the great pure congregation of the Western Paradise,

Mǎn Fēn Èr Yán Shēn Biān Fǎ Jiè Shèng Zhōng
滿 分 二 嚴 身。徧 法 界 聖 眾。

Mãn phân nhị nghiêm thân, biến Pháp Giới thánh chúng
Beings fully adorned with bliss and wisdom, and all the saints throughout Dharmaksetra.

三 皈 依

Tam Quy Y
Three Refuges

Zì	Guī	Yī	Fó	Dāng	Yuàn	Zhōng	Shēng
自	皈	依	佛。	當	願	眾	生。
Tự	quy	y	Phật,	đương	nguyện	chúng	sanh,

I take refuge in Buddha, wishing all sentient beings

Tǐ	Jiě	Dà	Dào	Fā	Wú	Shàng	Xīn
體	解	大	道。	發	無	上	心。
thể	giải	đại	đạo,	phát	vô	thượng	tâm.

to understand the Great Doctrine, and make the superlative resolve.

Zì	Guī	Yī	Fǎ	Dāng	Yuàn	Zhōng	Shēng
自	皈	依	法。	當	願	眾	生。
Tự	quy	y	Pháp,	đương	nguyện	chúng	sanh,

I take refuge in Dharma, wishing all sentient beings

Shēn	Rù	Jīng	Zàng	Zhì	Huì	Rú	Hǎi
深	入	經	藏。	智	慧	如	海。
thâm	nhập	Kinh	Tạng,	trí	tuệ	như	hải.

to penetrate the Sutra Pitaka with wisdom as unfathomable as the ocean.

Zì	Guī	Yī	Sēng	Dāng	Yuàn	Zhōng	Shēng
自	皈	依	僧。	當	願	眾	生。
Tự	quy	y	Tăng,	đương	nguyện	chúng	sanh,

I take refuge in Sangha, wishing all sentient beings

Tōng	Lǐ	Dà	Zhōng	Yī	Qīe	Wú	Āi
統	理	大	眾。	一	切	無	礙。
thống	lý	đại	chúng,	nhất	thiết	vô	ngại.

to harmonize multitudes in general without any obstruction

He Nan Sheng Zhong
和 南 聖 眾。
Hòa Nam Thánh Chúng
whatsoever and to respect the sacred Sangha.

代 怨 親 禮 佛

Đại Oán Thân Lễ Phật
Worship to Buddhas for Past Friends and Foes

(三皈依畢，再三拜，鳴大磬一聲，維那師呼：)

(Tam quy y xong, lạy ba lạy, nghe tiếng khánh, người Duy Na sư xướng:)
(After the Three Refuges and three prostrations,
the large bell-gong is sounded once, and the celebrant intones:)

Ge Ren Dai Wei Fu Mu Shi Zhang Ji Li Jie Yuan Qin
各 人 代 為 父 母 師 長 暨 歷 劫 怨 親。
Các nhân đại vi phụ mẫu sư trưởng kỷ lịch kiếp oán thân.
Let each of us, for the sake of his parents, teachers, elders and past friends and foes,

Li Fo San Bai
禮 佛 三 拜。

Lễ Phật tam bái.

worship Buddhas with three prostrations and

(維那師呼： Duy Na sư xướng： Celebrant intoning:)

Qiu Sheng Jing Tu
求 生 淨 土

Cầu sanh Tịnh Độ

Pray to be reborn in the Pure Land.

(眾答： Chúng đáp： Congregation responding:)

A Mi Tuo Fo
阿 彌 陀 佛

(隨即拜下)

A Di Đà Phật
Amita Buddha.

(liền quỳ xuống lạy)

(Followed by prostration:)

(維那師再呼： Duy Na sư tái xướng： Celebrant repeating:)

Qiu Sheng Jing Tu
求 生 淨 土

Cầu sanh Tịnh Độ

Pray to be reborn in the Pure Land.

(眾再答 Chúng tái đáp： Congregation responding again:)

— / / /
A Mi Tuo Fo

阿 彌 陀 佛

(隨即拜下)

A Di Đà Phật
Amita Buddha.

(liền quỳ xuống lạy)
(Followed by prostration)

(維那師三呼： Duy Na sư xướng lần thứ ba: Celebrant intoning for the third time:)

— / \ /
Qiu Sheng Jing Tu

求 生 淨 土

Cầu sanh Tịnh Độ

Pray to be reborn in the Pure Land.

(眾再答： Chúng tái đáp: Congregation responding for the third time:)

— / / /
A Mi Tuo Fo

阿 彌 陀 佛

(隨即拜下)

A Di Đà Phật
Amita Buddha.

(liền quỳ xuống lạy)
(Followed by prostration)

普 賢 菩 薩 警 眾 偈
Phổ Hiền Bồ Tát Cảnh Chúng Kệ
Samantabhadra's Admonition

(維那師呼： Duy Na sư xướng : Celebrant intoning:)

Shi Ri Yi Guo Ming Yi Sui Jian
是 日 已 過。 命 亦 隨 減。
Thị nhật dĩ quá. Mạng diệt tùy giảm.
The day is done, and life dwindles accordingly.

Ru Shao Shui Yu Si You He Le
如 少 水 魚。 斯 有 何 樂。
Nhu thiếu thủy ngư. Thị hữu hà lạc.
Like fish with little water, what joy is there!

Da Zhong
大 眾。
Đại chúng
Let us all

Dang Qin Jing Jin Ru Jiu Tou Ran
當 勤 精 進。 如 救 頭 燃。
Đương cần tinh tấn. Như cứu đầu nhiên.
Endeavor for good progress, as if to fight a fire burning on one's own head.

Dan Nian Wu Chang Shen Wu Fang Yi
但 念 無 常。 慎 勿 放 逸。
Đản niệm vô thường. Thận vật phóng dật.
Just keep impermanence in mind and guard against looseness.

(眾答並問訊 Congregation responding and bowing:)

A Mi Tuo Fo
阿 彌 陀 佛
A Di Đà Phật
Amita Buddha.

南 無 阿 彌 陀 佛

佛 七 儀 規

Phật Thất Nghi Quy

Liturgy for Seven-Day Retreat

佛 七 實 滿 日 佛 前 大 會 白

**Phật Thất Viên Mãn Nhật Phật Tiền
Đại Hội Hưởng**

**Grand Parinamana
on the Final Day of Seven-Day Retreat**

大 回 向

**Đại Hồi Hướng
Grand Parinamana**

(齊至佛前，聞大磬一聲，長跪，合掌，維那師舉腔，大眾和念)

(Khi nghe một tiếng khánh, tất cả quỳ xuống và chấp tay,
người Duy Na sử xướng và đại chúng cùng xướng theo.)

(All proceed to stand before the Buddha. On hearing one stroke of the big gong,
all kneel down and join palms. The celebrant intones and all chant in unison.)

Đệ Tử Trung Đẳng Hiện Sinh Tử Phàm Phu
弟 子 眾 等。 現 是 生 死 凡 夫。

Đệ tử chúng đẳng, hiện thị sanh tử phàm phu
We, the disciples, are at present plain mortals.

Zui Zhang Shen Zhong Lun Hui Liu Dao Ku Bu Ke Yan
罪 障 深 重。 輪 迴 六 道。 苦 不 可 言。

Tội chướng thâm trọng, luân hồi lục đạo, khổ bất khả ngôn
Deeply burdened with sins, transmigrating the six Paths of existence with suffering beyond words.

Jin Yu Zhi Shi De Wen Mi Tuo Ming Hao Ben Yuan Gong De
今 遇 知 識。 得 聞 彌 陀 名 號。 本 願 功 德。

Kim ngộ tri thức, đắc văn Di Đà danh hiệu, bản nguyện công đức
Now we find friends and hear the name of Amita Buddha with his original vows and virtues,

Yi Xin Cheng Nian Qiu Yuan Wang Sheng
一 心 稱 念。 求 願 往 生。

Nhứt tâm xưng niệm, cầu nguyện vãng sanh
which we wholeheartedly invoke, praying to be reborn in Pure Land.

Yuan Fo Ci Bei Bu She Ai Lian She Shou
願 佛 慈 悲 不 捨。 哀 憐 攝 受。

Nguyện Phật từ bi bất xả, ai lâm nhiếp thọ
May Buddha in compassion not forsake us, but pity and accept us.

Di Zi Zhong Deng Bu Shi Fo Shen
弟子眾等。不識佛身。
Đệ tử chúng đẳng, bất thức Phật thân
We, the disciples, do not recognize Buddha's being,

Xiang Hao Guang Ming Yuan Fo Shi Xian
相好光明。願佛示現。
Tướng hảo quang minh, nguyện Phật thị hiện
form, features, and radiance. May Buddha manifest them to us.

Ling Wo De Jian Ji Jian Guan Yin Shi Zhi
令我得見。及見觀音勢至。
Lệnh ngã đắc kiến, cập kiến Quán Âm Thế Chí
May we be able to behold them and see Avalokitesvara, Mahasthamaprapta,

Zhu Pu Sa Zhong Bi Shi Jie Zhong
諸菩薩眾。彼世界中。
Chư Bồ Tát chúng, bỉ thế giới trung
other Bodhisattvas and all pertaining to that world, such as

Qing Jing Zhuang Yan Guang Ming Miao Xiang Deng
清淨莊嚴。光明妙相等。
Thanh tịnh trang nghiêm, quang minh diệu tướng đẳng
purity, grandeur, glory, radiance, brilliance and wonder.

Ling Wo Liao Liao De Jian A Mi Tuo Fo
令我了了。得見阿彌陀佛。
Lệnh ngã liễu liễu, đắc kiến A Di Đà Phật
May we be enabled to see clearly Amita Buddha.

(起立, 出位, 合掌繞念)

(Đứng dậy rời chỗ, vừa đi vừa chấp tay niệm)
(All arise, join palms, circumambulate and invoke)

Na	Mo	A	Mi	Tuo	Fo	
南	無	阿	彌	陀	佛	(合掌繞念, 鳴磬一聲, 接念)
Nam	Mô	A	Di	Đà	Phật	(đi niệm một vòng, nghe khánh hiệu, tiếp niệm)
Homage to Amita Buddha.						(Join palms, circumambulate and invoke. On hearing one stroke of the big gong, proceed the next.)

Na	Mo	Guan	Shi	Yin	Pu	Sa
南	無	觀	世	音	菩	薩
Nam	Mô	Quán	Thế	Âm	Bồ	Tát
Homage to Bodhisattva Avalokitesvara. .						(đi niệm một vòng, nghe khánh hiệu, tiếp niệm)
						(Join palms, circumambulate and invoke. On hearing one stroke of the big gong, proceed the next.)

Na	Mo	Da	Shi	Zhi	Pu	Sa
南	無	大	勢	至	菩	薩
Nam	Mô	Đại	Thế	Chí	Bồ	Tát
Homage to Bodhisattva Mahasthamaprapta.						(đi niệm một vòng, nghe tiếng khánh, tiếp niệm)
						(Join palms, circumambulate and invoke. On hearing one stroke of the big gong, proceed the next.)

Na	Mo	Qing	Jing	Da	Hai	Zhong	Pu	Sa
南	無	清	淨	大	海	眾	菩	薩
Nam	Mô	Thanh	Tịnh	Đại	Hải	Chúng	Bồ	Tát
Homage to all Bodhisattvas in the pure great congregation.						(đi niệm một vòng, về chỗ củ,	(Join palms, circumambulate, invoke, return.	
						nghe tiếng khánh, quỳ xuống)	On hearing one stroke of the big gong,	
							all kneel down.)	

Na	Mo	Qing	Jing	Da	Hai	Zhong	Pu	Sa
南	無	清	淨	大	海	眾	菩	薩
Nam	Mô	Thanh	Tịnh	Đại	Hải	Chúng	Bồ	Tát
Homage to all Bodhisattvas in the pure great congregation.						(đi niệm một vòng, về chỗ củ,	(Join palms, circumambulate, invoke, return.	
						nghe tiếng khánh, ngừng niệm)	On hearing one stroke of the big gong,	
							prepare to stop invocation.)	

Na	Mo	Qing	Jing	Da	Hai	Zhong	Pu	Sa
南	無	清	淨	大	海	眾	菩	薩
Nam	Mô	Thanh	Tịnh	Đại	Hải	Chúng	Bồ	Tát
Homage to all Bodhisattvas in the pure great congregation.								

願 想

Nguyện Tưởng Wish Chant

Yuan Wo Lin Zhong Wu Zhang Ai A Mi Tuo Fo Yuan Xiang Ying
願 我 臨 終 無 障 礙。 阿 彌 陀 佛 遠 相 迎。

Nguyện ngã lâm chung vô chướng ngại, A Di Đà Phật viễn tương nghinh
I wish that I may meet the end of life without impediments. May Amita Buddha come from afar to receive me.

Guan Yin Gan Lu Sa Wu To Shi Zhi Jin Tai An Wo Zu
觀 音 甘 露 灑 吾 頭。 勢 至 金 臺 安 我 足。

Quán Âm cam lộ sái ngô thủ, Thế Chí kim đài an ngã túc
May Avalokitesvara's Amrta be sprinkled on my head, and Mahasthamaprapta's gold platform be set under my feet.

Yi Cha Na Zhong Li Wu Zhuo Qu Sheng Bi Qing Dao Lian Chi
一 剎 那 中 離 五 濁。 屈 伸 臂 頃 到 蓮 池。

Nhất sát na trung ly ngũ trước, khuất thân tí khoảnh đảo liên trì
In a wink I shall leave this world with its five kinds of pollution. In a flash I shall reach the Lotus Pond.

Lian Hua Kai Hou Jian Ci Zun Qin Ting Fa Yin Ke Liao Liao
蓮 華 開 後 見 慈 尊。 親 聽 法 音 可 了 了。

Liên hoa khai hậu kiến từ tôn, thân thỉnh Pháp âm khả liễu liễu
After the lotus blooms fully, I shall see the Kind Honored One, and in person listen to and hear his voice, indeed, clearly.

Wen Yi Ji Wu Wu Sheng Ren Bu Wei An Yang Ru Suo Po
聞 已 即 悟 無 生 忍。 不 違 安 養 入 娑 婆。

Văn dĩ tức ngộ vô sanh nhẫn, bất vi an dưỡng nhập Ta Bà
Having heard him I shall rest in the belief in peace beyond Rebirth. Without abandoning Paradise I may re-enter the Saha worlds.

Shan Zhi Fang Bian Du Zhong Sheng Qiao Ba Cheng Lao Wei Fo Shi
善 知 方 便 度 眾 生。巧 把 塵 勞 為 佛 事。

Thiện tri phương tiện độ chúng sanh, xảo bả trần lao vi Phật sự
Well versed in those expedencies to enlighten sentient beings and adroitly to convert earthly toils to Buddhist services.

Wo Yuan Ru Si Fo Zi Zhi Bi Jing Dang Lai De Cheng Jiu
我 願 如 斯 佛 自 知。畢 竟 當 來 得 成 就。

Ngã nguyện như tư Phật tự tri, tất cánh đương lai đắc thành tựu
My wishes, as above, are, of course, known to Buddha and will finally, in the future, be realized.

(起立 Đứng lên All arise)

上 頂 禮

Thập Đảnh Lễ
Concluding Worship

Yì Xīn Dīng Lǐ
一 心 頂 禮。

Nhất tâm đảnh lễ
Wholeheartedly we honor

Hōng Yāng Jīng Lè Tǔ Shì Jiā Fō Rú Lái
宏 揚 淨 樂 土。釋 迦 佛 如 來。

Hōng dương Tịnh Lạc Độ, Thích Ca Phật Như Lai
the one who preached the Pure Paradise, Sakyamuni Tathagata

Qiān Bǎi Yì Huà Shēng Biān Fǎ Jiè Zhū Fō
千 百 億 化 身。徧 法 界 諸 佛。

Thiên bách ức hóa thân, biến Pháp Giới chư Phật
with thousands, millions of Nirmanakayas, and all Buddhas throughout Dharmaksetra.

Yì Xīn Dīng Lǐ
一 心 頂 禮。

Nhất tâm đảnh lễ
Wholeheartedly we honor

Cháng Jì Guāng Jīng Tǔ Ā Mì Tuó Rú Lái
常 寂 光 淨 土。阿 彌 陀 如 來。

Thường Tịch Quang Tịnh Độ, Ā Di Đà Như Lai
Amita Tathagata of the Pure Land of Permanent Peace and

Qīng Jīng Miào Fǎ Shēng Biān Fǎ Jiè Zhū Fō
清 淨 妙 法 身。徧 法 界 諸 佛。

Thanh tịnh diệu Pháp Thân, biến Pháp Giới chư Phật
Glory with pure and excellent Dharmakaya and all Buddhas throughout Dharmaksetra

Yì Xīn Dīng Lǐ
一 心 頂 禮。

Nhất tâm đảnh lễ
Wholeheartedly we honor

Shí Bào Zhuāng Yán Tǔ Ā Mí Tuó Rú Lái
實 報 莊 嚴 土。阿 彌 陀 如 來。

Thực Báo Trang Nghiêm Độ, Ā Di Đà Như Lai
Amita Tathagata of the Glorious Land of Real Reward,

Wēi Chén Xiāng Hǎi Shēng Biān Fǎ Jiè Zhū Fó
微 塵 相 海 身。徧 法 界 諸 佛。

Vì trần tướng hải thân, biến Pháp Giới chư Phật
whose great being manifests as tiniest motes, and all Buddhas throughout Dharmaksetra

Yì Xīn Dīng Lǐ
一 心 頂 禮。

Nhất tâm đảnh lễ
Wholeheartedly we honor

Fāng Biān Shèng Jū Tǔ Ā Mí Tuó Rú Lái
方 便 聖 居 土。阿 彌 陀 如 來。

Phương Tiện Thánh Cư Độ, Ā Di Đà Như Lai
Amita Tathagata of the Expedient Land dwelt in by the saints,

Xié Tuō Xiāng Yán Shēng Biān Fǎ Jiè Zhū Fó
解 脫 相 嚴 身。徧 法 界 諸 佛。

Giải thoát tướng nghiêm thân, biến Pháp Giới chư Phật
whose glorious being manifests in the form of liberation, and all Buddhas throughout Dharmaksetra.

Yì Xīn Dīng Lǐ
一 心 頂 禮。

Nhất tâm đảnh lễ
Wholeheartedly we honor

Xī Fang Ān Lè Tǔ Ā Mǐ Tuō Rú Lái
西 方 安 樂 土。阿 彌 陀 如 來。

Tây Phương An Lạc Độ, A Di Đà Như Lai
Amita Tathagata of the Western Paradise

Dà Sheng Gēng Jiè Shēng Biān Fǎ Jiè Zhū Fó
大 乘 根 界 身。徧 法 界 諸 佛。

Đại Thừa căn giới thân, biến Pháp Giới chư Phật
with entity rooted in the Mahayana realm, and all Buddhas throughout Dharmaksetra.

Yì Xīn Dǐng Lǐ
一 心 頂 禮。

Nhất tâm đảnh lễ
Wholeheartedly we honor

Xī Fang Ān Lè Tǔ Ā Mǐ Tuō Rú Lái
西 方 安 樂 土。阿 彌 陀 如 來。

Tây Phương An Lạc Độ, A Di Đà Như Lai
Amita Tathagata of the Western Paradise

Shí Fang Huà Wǎng Shēng Biān Fǎ Jiè Zhū Fó
十 方 化 往 生。徧 法 界 諸 佛。

Thập phương hóa vãng sanh, Biến Pháp giới chư Phật
who manifests himself in all places and all Buddhas throughout Dharmaksetra.

Yì Xīn Dǐng Lǐ
一 心 頂 禮。

Nhất tâm đảnh lễ
Wholeheartedly we honor

Xī Fang Ān Lè Tǔ Jiào Xíng Lǐ Sān Jīng
西 方 安 樂 土。教 行 理 三 經。

Tây Phương An Lạc Độ, giáo hành lý tam kinh
the Sutras of the Western Paradise for the triad of Preaching, Practice and Principle,

Ji Yi Zheng Xuan Yang Bian Fa Jie Zun Fa
及 依 正 宣 揚。 徧 法 界 尊 法。

Cập y chánh tuyên dương, biến Pháp Giới Tôn Pháp
and the revered Dharma throughout Dharmaksetra, as expounded both indirectly and directly.

Yi Xin Ding Li
一 心 頂 禮。

Nhất tâm đảnh lễ
Wholeheartedly we honor

Xi Fang An Le Tu Guan Shi Yin Pu Sa
西 方 安 樂 土。 觀 世 音 菩 薩。

Tây Phương An Lạc Độ, Quán Thế Âm Bồ Tát
Avalokitesvara Bodhisattva of the Western Paradise

Wan Yi Zi Jin Shen Bian Fa Jie Pu Sa Mo He Sa
萬 億 紫 金 身。 徧 法 界 菩 薩 摩 訶 薩。

Vạn ức tử kim thân, biến Pháp Giới Bồ Tát Ma Ha Tát
with myriads and millions of entities in the purple-gold and all Bodhisattvas Mahasattvas throughout
Dharmaksetra.

Yi Xin Ding Li
一 心 頂 禮。

Nhất tâm đảnh lễ
Wholeheartedly we honor

Xi Fang An Le Tu Da Shi Zhi Pu Sa
西 方 安 樂 土。 大 勢 至 菩 薩。

Tây Phương An Lạc Độ, Đại Thế Chí Bồ Tát
Mahasthamaprapta Bodhisattva of the Western Paradise,

Wu Bian Guang Zhi Shen Bian Fa Jie Pu Sa Mo He Sa
無 邊 光 熾 身。 徧 法 界 菩 薩 摩 訶 薩。

Vô biên quang xī thân, biến Pháp Giới Bồ Tát Ma Ha Tát
the boundless, radiant, illumined being, and all Bodhisattvas Mahasattvas throughout Dharmaksetra.

Yì Xīn Dīng Lǐ
一心頂禮。

Nhất tâm đảnh lễ
Wholeheartedly we honor

Xī Fāng Ān Lè Tǔ Qīng Jīng Dà Hǎi Zhōng
西方安樂土。清淨大海眾。

Tây Phương An Lạc Độ, thanh tịnh đại hải chúng
the great pure congregation of the Western Paradise,

Mǎn Fēn Èr Yán Shēn Biān Fǎ Jiè Shèng Zhōng
滿分二嚴身。徧法界聖眾。

Mãn phân nhị nghiêm thân, biến Pháp Giới thánh chúng
Beings fully adorned with bliss and wisdom, and all the saints throughout Dharmaksetra.

三 皈 依

Tam Quy Y
Three Refuges

Zì	Guī	Yī	Fó	Dāng	Yuàn	Zhōng	Shēng
自	皈	依	佛。	當	願	眾	生。
Tự	quy	y	Phật,	đương	nguyện	chúng	sanh,

I take refuge in Buddha, wishing all sentient beings

Tǐ	Jiě	Dà	Dào	Fā	Wú	Shàng	Xīn
體	解	大	道。	發	無	上	心。
thể	giải	đại	đạo,	phát	vô	thượng	tâm.

to understand the Great Doctrine, and make the superlative resolve.

Zì	Guī	Yī	Fǎ	Dāng	Yuàn	Zhōng	Shēng
自	皈	依	法。	當	願	眾	生。
Tự	quy	y	Pháp,	đương	nguyện	chúng	sanh,

I take refuge in Dharma, wishing all sentient beings

Shēn	Rù	Jīng	Zàng	Zhì	Huì	Rú	Hǎi
深	入	經	藏。	智	慧	如	海。
thâm	nhập	Kinh	Tạng,	trí	tuệ	như	hải.

to penetrate the Sutra Pitaka with wisdom as unfathomable as the ocean.

Zì	Guī	Yī	Sēng	Dāng	Yuàn	Zhōng	Shēng
自	皈	依	僧。	當	願	眾	生。
Tự	quy	y	Tăng,	đương	nguyện	chúng	sanh,

I take refuge in Sangha, wishing all sentient beings

Tōng	Lǐ	Dà	Zhōng	Yī	Qīe	Wú	Āi
統	理	大	眾。	一	切	無	礙。
thống	lý	đại	chúng,	nhất	thiết	vô	ngại.

to harmonize multitudes in general without any obstruction

He Nan Sheng Zhong
和 南 聖 眾。
Hòa Nam Thánh Chúng
whatsoever and to respect the sacred Sangha.

佛 二 圓 滿 日 佛 前 大 師 南 後 禮 袒

Phật Thất Viên Mãn Nhật Phật Tiền Đại Hối Hướng Hậu Lễ Tỏ
Homage to The Patriarchs on The Final Day of Seven-Day Retreat
After Grand Parinamana

(三皈依畢，再三拜，鳴大磬三聲，維那師呼：)

(Tam quy y xong, lạy ba lạy, nghe tiếng khánh, người Duy Na sử xướng:)

(After the Three Refuges and three prostrations,

the large bell-gong is sounded three times, and the celebrant intones:)

Ding Li Xi Tian Dong Tu Li Dai Zu Shi
頂 禮 西 天 東 土 歷 代 祖 師。

Đảnh lễ tây thiên đông độ lịch đại tổ sư.
We honor the Patriarchs of the West and the East of all generations.

Ding Li Tian Xia Hong Yang Fo Fa Zhu Da Shan Zhi Shi
頂 禮 天 下 宏 揚 佛 法 諸 大 善 知 識。

Đảnh lễ thiên hạ , hoằng dương Phật Pháp chư đại thiện tri thức.
We honor all the great learned ones in the world who propagate Amidism and spread the teaching.

Ding Li Chu Zu Lu Shan Dong Lin Yuan Gong Da Shi
頂 禮 初 祖 廬 山 東 林 遠 公 大 師。

Đảnh lễ Sơ Tổ Lữ Sơn Đông Lâm Viễn Công Đại Sư.
We honor the first Patriarch Grand Master Hui Yuan of Tong Lin Temple in Lushan.

Ding Li Er Zu Chang An Gong Ming Dao Gong Da Shi
頂 禮 二 祖 長 安 光 明 導 公 大 師。

Đảnh lễ Nhị Tổ Trường An Quang Minh Đạo Công Đại Sư.
We honor the second Patriarch Grand Master Shan Tao of Kuang Ming Temple in Changan.

Ding Li San Zu Nan Yue Bo Zhou Yuan Gong Da Shi
頂 禮 三 祖 南 嶽 般 舟 遠 公 大 師。

Đảnh lễ Tam Tổ Nam Nhạc Ban Chu Viễn Công Đại Sư.
We honor the third Patriarch Grand Master Cheng Yuan of Po Chou Temple in Nan Yue.

Ding Li Si Zu Wu Tai Zhu Lin Zhao Gong Da Shi
頂 禮 四 祖 五 臺 竹 林 照 公 大 師。
Đảnh lễ Tứ Tổ Ngũ Đài Trúc Lâm Chiêu Công Đại Sư.
We honor the fourth Patriarch Grand Master Fa Chao of Chu Lin Temple in Wu Tai.

Ding Li Wu Zu Xin Ding Wu Long Kang Gong Da Shi
頂 禮 五 祖 新 定 烏 龍 康 公 大 師。
Đảnh lễ Ngũ Tổ Tân Định Ô Long Khang Công Đại Sư.
We honor the fifth Patriarch Grand Master Shao Kang of Wu Lung Temple in Hsinting.

Ding Li Liu Zu Hang Zhou Yong Ming Shou Gong Da Shi
頂 禮 六 祖 杭 州 永 明 壽 公 大 師。
Đảnh lễ Lục Tổ Hàng Châu Vĩnh Minh Thọ Công Đại Sư.
We honor the sixth Patriarch Grand Master Yen Shou of Yung Ming Temple in Hangchow.

Ding Li Qi Zu Hang Zhou Zhao Qing Chang Gong Da Shi
頂 禮 七 祖 杭 州 昭 慶 常 公 大 師。
Đảnh lễ Thất Tổ Hàng Châu Chiêu Khánh Thường Công Đại Sư.
We honor the seventh Patriarch Grand Master Hsing Chang of Chao Ching Temple in Hangchow.

Ding Li Ba Zu Hang Zhou Yun Qi Hong Gong Da Shi
頂 禮 八 祖 杭 州 雲 棲 宏 公 大 師。
Đảnh lễ Bát Tổ Hàng Châu Vân Thê Hồng Công Đại Sư.
We honor the eighth Patriarch Grand Master Chu Hung of Yun Chi Temple in Hangchow.

Ding Li Jiu Zu Bei Tian Mu Ling Feng Xu Gong Da Shi
頂 禮 九 祖 北 天 目 靈 峰 旭 公 大 師。
Đảnh lễ Cửu Tổ Bắc Thiên Mục Linh Phong Húc Công Đại Sư.
We honor the ninth Patriarch Grand Master Chih Hsiu of Ling Feng Temple in North Tien Mu.

Ding Li Shi Zu Yu Shan Pu Ren Ce Gong Da Shi
頂 禮 十 祖 廬 山 普 仁 策 公 大 師。
Đảnh lễ Thập Tổ Ngưu Sơn Phổ Nhân Sách Công Đại Sư.
We honor the tenth Patriarch Grand Master Hsing Tse of Pu Jen Temple in Yu Shan.

Ding Li Shi Yi Zu Hang Zhou Fan Tian Xian Gong Da Shi
頂 禮 十 一 祖 杭 州 梵 天 賢 公 大 師。

Đảnh lễ Thập Nhất Tổ Hàng Châu Phạm Thiên Hiền Công Đại Sư.
We honor the eleventh Patriarch Grand Master Shih Hsien of Fan Tien Temple in Hangchow.

Ding Li Shi Er Zu Hong Luo Zi Fu Xing Gong Da Shi
頂 禮 十 二 祖 紅 螺 資 福 醒 公 大 師。

Đảnh lễ Thập Nhị Tổ Hồng Loa Tư Phước Tỉnh Công Đại Sư.
We honor the twelfth Patriarch Grand Master Chi Hsin of Tzu Fu Temple in Hung Lo.

Ding Li Shi San Zu Su Zhou Ling Yan Liang Gong Da Shi
頂 禮 十 三 祖 蘇 州 靈 巖 量 公 大 師。

Đảnh lễ Thập Tam Tổ Tô Châu Linh Nghiêm Lượng Công Đại Sư.
We honor the thirteenth Patriarch Grand Master Yin Kuang of Ling Yen Temple in Soochow.

Ding Li Gu Jin Lian She Zong Shi
頂 禮 古 今 蓮 社 宗 師。

Đảnh lễ Cổ Kim Liên Xã Tôn Sư.
We honor Amidist Masters of the Past and the Present.

Ding Li Zhu Qi He Shang
頂 禮 主 七 和 尚。

Đảnh lễ Chủ Thất Hòa Thượng.
We honor the Most Reverend Master in charge of the Retreat.

代 恕 親 禮 佛

Đại Oán Thân Lễ Phật
Worship to Buddhas for Past Friends and Foes

(維那師呼: Duy Na sư xướng: Celebrant intoning:)

Ge Ren Dai Wei Fu Mu Shi Zhang Ji Li Jie Yuan Qin
名 人 代 為 父 母 師 長 暨 歷 劫 恕 親。

Các nhân đại vi phụ mẫu sư trưởng ký lịch kiếp oán thân.
Let each of us, for the sake of his parents, teachers, elders and past friends and foes,

Li Fo San Bai
禮 佛 三 拜。

Lễ Phật tam bái.

worship Buddhas with three prostrations and

(維那師呼: Duy Na sư xướng: Celebrant intoning:)

Qiu Sheng Jing Tu
求 生 淨 土

Cầu sanh Tịnh Độ

Pray to be reborn in the Pure Land.

(眾答: Chúng đáp: Congregation responding:)

A Mi Tuo Fo
阿 彌 陀 佛

(隨即拜下)

A Di Đà Phật
Amita Buddha.

(liền quỳ xuống lạy)
(Followed by Prostration:)

(維那師再呼: Duy Na sư tái xướng: Celebrant repeating:)

Qiu Sheng Jing Tu
求 生 淨 土

Cầu sanh Tịnh Độ

Pray to be reborn in the Pure Land.

(眾再答: Chúng tái đáp: Congregation responding again:)

Ā Mi Tuo Fō

阿 彌 陀 佛

(隨即拜下)

A Di Đà Phật

(liền quỳ xuống lạy)

Amita Buddha.

(Followed by Prostration)

(維那師三呼： Duy Na sư xướng lần thứ ba: Celebrant intoning for the third time:)

Qiu Sheng Jing Tu

求 生 淨 土

Cầu sanh Tịnh Độ

Pray to be reborn in the Pure Land.

(眾再答： Chúng tái đáp: Congregation responding for the third time:)

Ā Mi Tuo Fō

阿 彌 陀 佛

(隨即拜下)

A Di Đà Phật

(liền quỳ xuống lạy)

Amita Buddha.

(Followed by prostration)

普 賢 菩 薩 警 眾 偈
Phổ Hiền Bồ Tát Cảnh Chúng Kệ
Samantabhadra's Admonition

(維那師呼： Duy Na sư xướng : Celebrant intoning:)

Shi Ri Yi Guo Ming Yi Sui Jian
是 日 已 過。 命 亦 隨 減。
Thị nhật dĩ quá. Mạng diệt tùy giảm.
The day is done, and life dwindles accordingly.

Ru Shao Shui Yu Si You He Le
如 少 水 魚。 斯 有 何 樂。
Nhu thiếu thủy ngư. Thị hữu hà lạc.
Like fish with little water, what joy is there!

Da Zhong
大 眾。
Đại chúng
Let us all

Dang Qin Jing Jin Ru Jiu Tou Ran
當 勤 精 進。 如 救 頭 燃。
Đương cần tinh tấn. Như cứu đầu nhiên.
Endeavor for good progress, as if to fight a fire burning on one's own head.

Dan Nian Wu Chang Shen Wu Fang Yi
但 念 無 常。 慎 勿 放 逸。
Đản niệm vô thường. Thận vật phóng dật.
Just keep impermanence in mind and guard against looseness.

(眾答並問訊 Congregation responding and bowing:)

A Mi Tuo Fo
阿 彌 陀 佛
A Di Đà Phật
Amita Buddha.